



## CÔNG TY CỔ PHẦN PESTMASTER VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu B7 Đô thị mới 1B, Đường Trịnh Hoài Đức, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0934 865 441

Email: PMC@pestmaster.com.vn

# HỒ SƠ NĂNG LỰC PESTMASTER VIỆT NAM

## *PESTMASTER VIETNAM COMPANY PROFILE*



Hotline: **0906 444 768**



National Pest Management Association



HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

# CẤU TRÚC HỒ SƠ NĂNG LỰC

## COMPANY PROFILE STRUCTURE

### **Thư ngỏ: Trang 3**

#### ***Welcome Letter: Page 3***

Lời chào chân thành từ Ban lãnh đạo, thể hiện cam kết phục vụ khách hàng và định hướng phát triển dịch vụ kiểm soát dịch hại chất lượng cao.

*A sincere message from the Board of Directors, affirming our commitment to customers and our direction for developing high-quality pest control services.*

### **Năng lực & Lợi thế: Trang 7-16**

#### ***Capabilities & Advantages: Pages 7-16***

Các chứng nhận, trang bị bảo hộ lao động và đội ngũ chuyên môn cao với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực.

*Certifications, protective equipment and a highly qualified team with many years of industry experience.*

### **Quy trình dịch vụ, thiết bị, hóa chất và bảo hành dịch vụ: Trang 36-46**

#### ***Service process, equipment, chemicals, reporting and service warranty: Pages 36-46***

Quy trình chuẩn kết hợp với trang thiết bị đa dạng, hóa chất đa dạng, kèm theo báo cáo và chính sách bảo hành dịch vụ

*A standard process combined with diverse equipment and chemicals, plus reports and a service warranty policy.*

### **Giới thiệu chung: Trang 4-6**

#### ***General Introduction: Pages 4-6***

Trình bày về thông tin công ty – phạm vi hoạt động, 4 giá trị cốt lõi và sơ đồ tổ chức của công ty.

*Company information - scope of operations, 4 core values and the organizational chart.*

### **Dịch vụ kiểm soát Côn trùng, Chuột: Trang 17-35**

#### ***Insect and Rodent Control Services: Pages 17-35***

Các dịch vụ kiểm soát: chuột, côn trùng, mối, rắn. Trình bày phương pháp, quy trình 6 bước chuẩn, trang thiết bị hiện đại và chương trình đào tạo.

*Control services for rodents, insects, termites and snakes. Methods, the standard 6-step process, modern equipment and training programs.*

### **Đối tác và Thông tin liên hệ: Trang 47-56**

#### ***Partners and Contact Information: Pages 47-56***

Sự tin tưởng hợp tác từ những khách hàng này chính là minh chứng rõ ràng cho uy tín, chất lượng dịch vụ và năng lực chuyên môn mà chúng tôi cam kết mang lại

*The trust of these clients clearly demonstrates the reputation, service quality and professional capability we are committed to delivering.*



# Thư Ngỏ/ *Cover Letter*

Kính gửi Quý Khách hàng,  
*Dear Customers,*

Trong cuộc sống hiện đại, vấn đề côn trùng và dịch hại luôn là nỗi lo ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, thiệt hại tài sản, an toàn thực phẩm và uy tín thương hiệu./ *In modern life, insects and pests remain a constant concern, directly affecting public health, property, food safety and brand reputation.*

Với khát vọng xây dựng môi trường xanh – sạch – an toàn, Pest Master Việt Nam ra đời để đồng hành cùng Quý khách trong công tác kiểm soát dịch hại Mối, Côn trùng và Chuột.  
*With the aspiration to build a green – clean – safe environment, Pest Master Vietnam was founded to accompany you in controlling Termites, Insects and Rodents.*

Trân trọng,  
*Best regards,*

Tổng Giám Đốc Pestmaster Việt Nam  
*General Director – PestMaster Vietnam*



**Huỳnh Văn Quỳnh**



# Về Chúng Tôi

## About Us

### Thông Tin Công Ty

#### Company Information

- **Tên đầy đủ:** Công ty Cổ phần PestMaster Việt Nam
- *Full name: PestMaster Vietnam Joint Stock Company*
- **Tên viết tắt:** PestMaster Việt Nam
- *Short name: PestMaster Vietnam*
- **Lĩnh vực:** Dịch vụ kiểm soát Mối, Côn trùng và Chuột.
- *Field: Termite, Insect and Rodent control services.*
- **Phạm vi hoạt động:** Toàn quốc
- *Coverage: Nationwide*
- **Địa chỉ:** Khu B7 Đô thị mới 1B, Đường Trịnh Hoài Đức, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng
- *Address: Block B7, New Urban Area 1B, Trinh Hoai Duc Street, Dien Ban Dong Ward, Da Nang City*
- **Mã số thuế:** 0402297382
- *Tax code: 0402297382*



# 4 Giá Trị Cốt Lõi/ 4 Core Values

Kim chỉ nam định hướng mọi quyết sách chiến lược và hành trình phụng sự, kết tinh thành giải pháp vượt trội, an toàn và đồng hành thịnh vượng cùng cộng đồng.  
*The guiding principle behind every strategic decision and our service journey, crystallized into superior, safe solutions and shared prosperity with the community.*



## Chất Lượng Dịch Vụ *Service Quality*

Thiết lập tiêu chuẩn kiểm soát dịch hại ở mức cao, cam kết mang tới sự hài lòng trọn vẹn thông qua đội ngũ tận tâm và am tường chuyên môn chuyên sâu.

*Setting a high standard in pest control, committed to complete satisfaction through a dedicated team with deep professional expertise.*



## An Toàn Tuyệt Đối *Absolute Safety*

Kiên định sử dụng các chế phẩm sinh học, các giải pháp vật lý, bảo vệ sức khỏe con người, vật nuôi và hệ sinh thái xanh.

*Steadfast use of biological products and physical solutions, protecting human health, pets and the green ecosystem.*



## Hiệu Quả Bền Vững *Sustainable Effectiveness*

Không chỉ xử lý phần ngọn, chúng tôi tập trung kiểm soát nguồn gây hại, tối ưu hiệu quả và mang đến giải pháp bền vững dài hạn.

*Beyond treating symptoms, we focus on controlling the source of infestation, optimizing results and delivering sustainable long-term solutions.*



## Đồng Hành Lâu Dài *Long-Term Partnership*

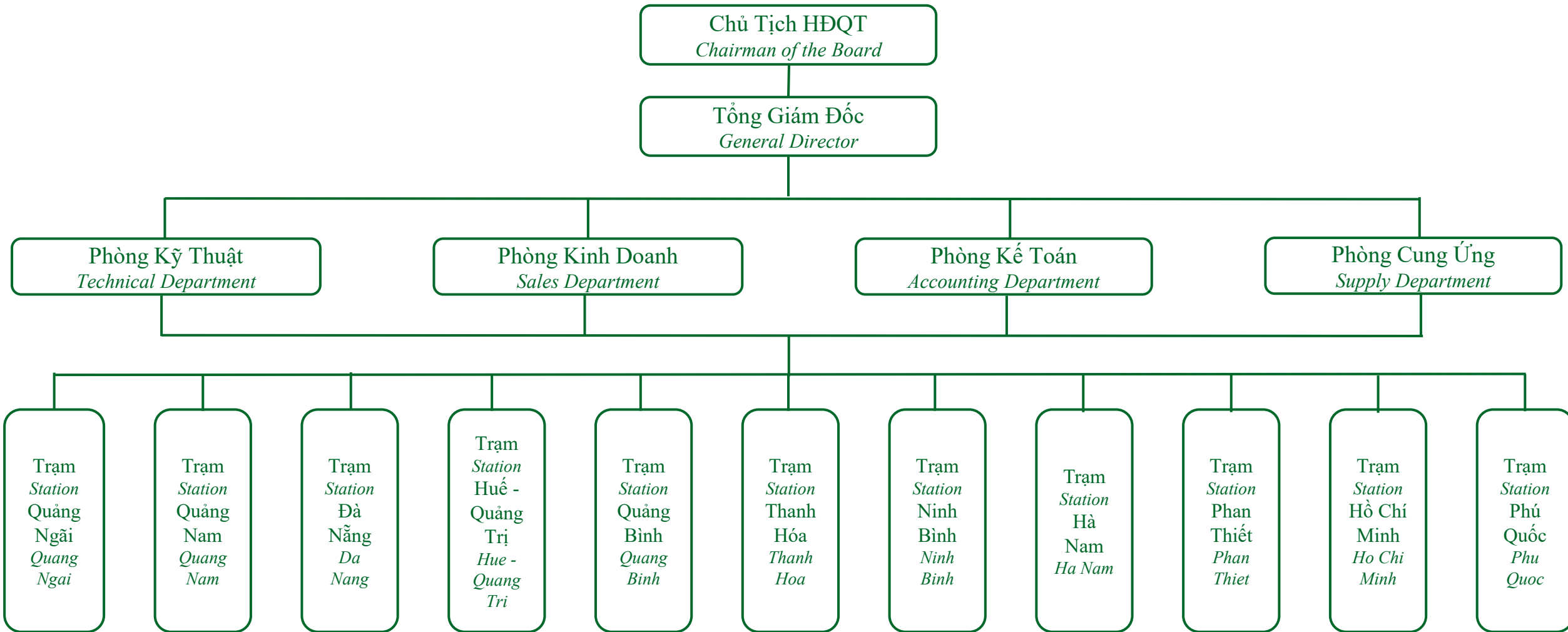
Là người đồng hành đáng tin cậy phục vụ 24/7. Luôn lắng nghe, thấu hiểu và kề vai sát cánh cùng quý doanh nghiệp qua từng giai đoạn phát triển.

*A trusted partner serving 24/7. Always listening, understanding and standing side by side with your business through every stage of growth.*



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PESTMASTER VIỆT NAM

## PESTMASTER VIETNAM ORGANIZATIONAL CHART



# Năng lực và lợi thế

## *Capabilities and Advantages*

### Đội Ngũ Chuyên Nghiệp

#### *Professional Team*

Đội ngũ **kỹ thuật viên với nhiều năm kinh nghiệm thực tế**, được đào tạo bài bản, luôn cập nhật kiến thức mới nhất. Hiểu rõ các yêu cầu khắt khe của ngành resort, khách sạn.

*A team of technicians with many years of hands-on experience, thoroughly trained and always up to date with the latest knowledge. We understand the demanding requirements of the resort and hotel industry.*

### Dịch Vụ 24/7

#### *24/7 Service*

Với **dịch vụ 24/7**, chúng tôi am hiểu sâu sắc các sự cố dịch hại và kịp thời ứng phó, mang lại sự an tâm tuyệt đối cho Quý khách hàng.

*With 24/7 service, we deeply understand pest incidents and respond promptly, bringing complete peace of mind to our customers.*

### Báo Cáo Chuyên Nghiệp

#### *Professional Reporting*

Hồ sơ **báo cáo chi tiết**, minh bạch, phục vụ tốt cho các cuộc audit,...

*Detailed, transparent reporting records that serve audits well,...*

### Chi Phí Tối Ưu

#### *Optimized Costs*

Giải pháp hiệu quả với **chi phí hợp lý**, mang lại **lợi ích kinh tế lâu dài** cho khách hàng.

*Effective solutions at reasonable costs, delivering long-term economic benefits to customers.*



# Năng lực nhân sự

## Human Resource Capabilities



**Mr. Le Thanh Nhan**  
**Chairman of the Board**

**Kinh nghiệm: 21 năm trong ngành kiểm soát dịch hại, khử trùng**

**Experience: 21 years in pest control and fumigation**

Từng giữ vai trò Phó Giám đốc ngành kiểm soát dịch hại, Giám đốc chi nhánh Công ty kiểm soát dịch hại lớn tại Việt Nam/ *Former Deputy Director of pest control and Branch Director at a major pest control company in Vietnam*  
Lãnh đạo và định hướng Chiến lược, kinh doanh, kỹ thuật của công ty. Có nhiều đổi mới trong phương thức quản lý, điều hành, đem lại hiệu quả thiết thực/ *Leads the company's strategy, business and technical direction; introduced management and operational innovations with practical results.*



**Mr. Huynh Van Quynh**  
**General Director**

**Kinh nghiệm: 14 năm trong ngành kiểm soát dịch hại**

**Experience: 14 years in pest control.**

Từng giữ vai trò Trưởng phòng kinh doanh Công ty kiểm soát dịch hại lớn tại Việt Nam  
Điều hành, kinh doanh và phát triển thị trường. Cán bộ quản lý năng động, sáng tạo.

*Former Sales Manager at a major pest control company in Vietnam. Manages operations, sales and market development. A dynamic, creative manager.*

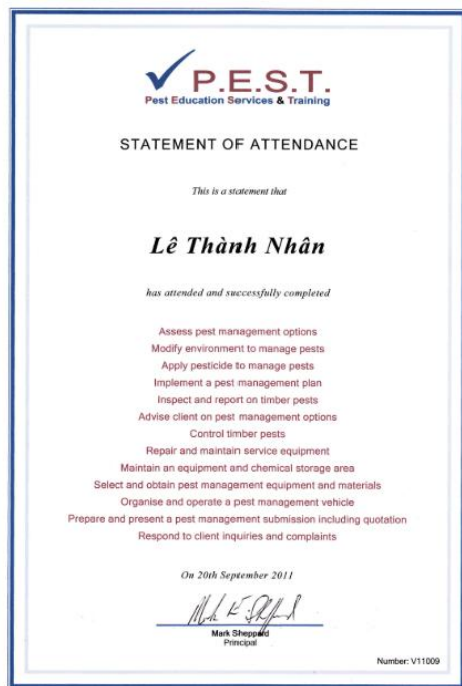


# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Đội ngũ chúng tôi trải qua các chương trình đào tạo chuyên nghiệp: được Tổ chức PEST Úc huấn luyện về chương trình kiểm soát dịch hại tổng hợp (IPM), nhận thức về an toàn thực phẩm do BSI đào tạo, được đào tạo bởi tổ chức AIB International về kiểm soát dịch hại tổng hợp. Những nền tảng này giúp chúng tôi đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất trong lĩnh vực kiểm soát dịch hại.

Our team has completed professional training programs: integrated pest management (IPM) training by PEST Australia, food safety awareness training by BSI, and integrated pest management training by AIB International. These foundations enable us to meet the most demanding requirements in pest control.



**bsi.**

**BSI Training Academy**

This is to certify that/ Xác nhận:

**HUYNH VAN QUYNH**

has completed the course/ đã hoàn thành khóa tập huấn:

**Awareness of Food Safety Management Systems According to ISO 22000:2005 and HACCP/  
Nhận Thức HTQL An Toàn Thực Phẩm theo ISO 22000:2005 và HACCP**

Nguyen Thai Binh, Head of BSI Vietnam Training Academy

Date/ Ngày: 30 – 31/07/2018

Certificate number/ Giấy chứng nhận số: ENR-00553014



**AIB**  
INTERNATIONAL®

**Nhan Thanh Le**

Has successfully fulfilled the requirements for

**Integrated Pest Management Online**

21-MAY-2019  
01:00 contact hours  
0.1 CEUs

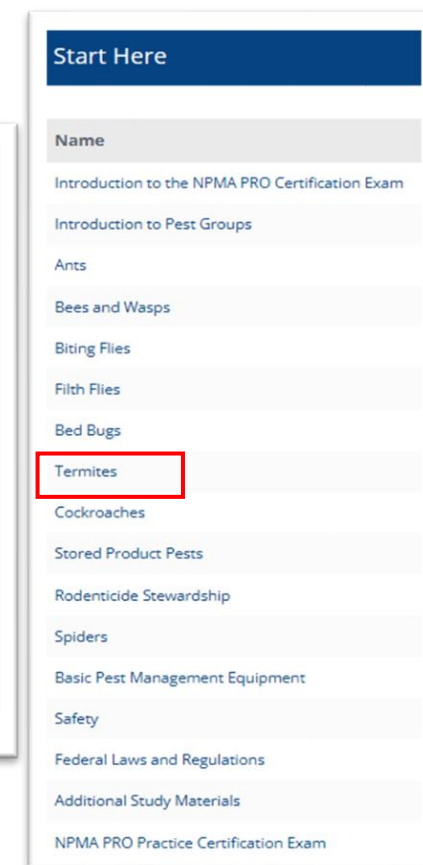
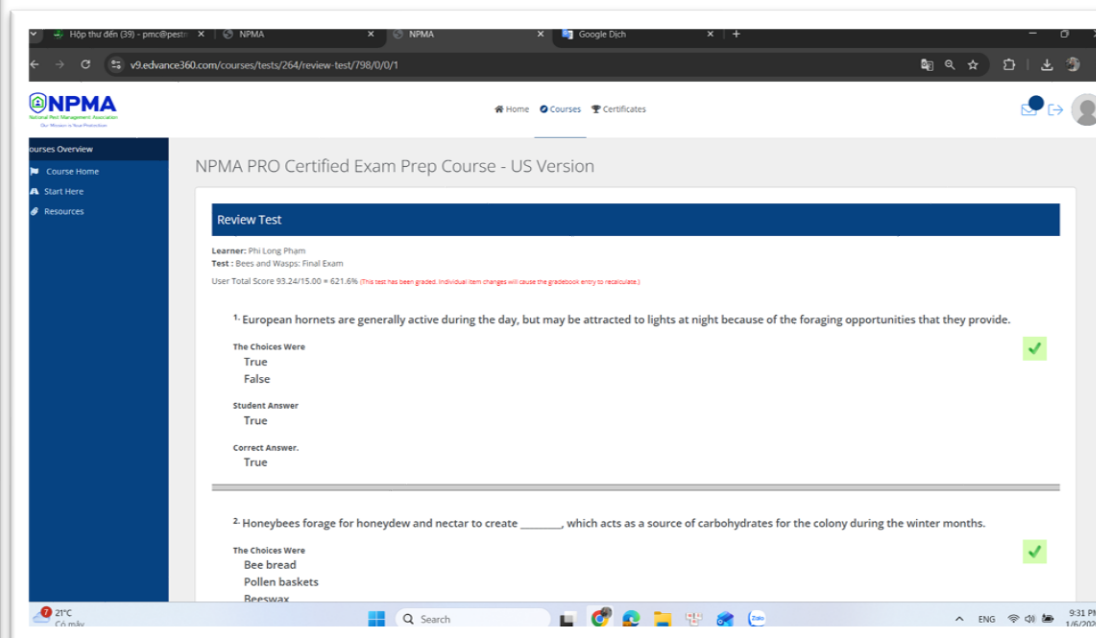


# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Quản lý bộ phận kỹ thuật của PestMaster Việt Nam được tham gia các chương trình đào tạo trực tuyến chuyên sâu của NPMA và **trải qua kỳ thi đánh giá năng lực**. Các khóa học tập trung vào **cập nhật kiến thức mới về kiểm soát mối và các đối tượng dịch hại**, nâng cao chuyên môn và các tiêu chuẩn liên quan. Quá trình đào tạo được triển khai bài bản, gồm nhiều học phần và nhiều bài kiểm tra đánh giá, với thời gian học tập bài bản, không mang tính ngắn hạn hay hình thức/

*Technical department managers at PestMaster Vietnam take NPMA's in-depth online training programs and pass competency assessment exams. The courses focus on updating knowledge of termite and pest control, raising expertise and meeting related standards. Training is delivered systematically, with multiple modules and assessments over a substantial study period, not short-term or superficial.*



# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Ngoài ra, đội ngũ được đào tạo các khóa của NPMA như: ứng dụng hóa chất an toàn, sử dụng thuốc diệt côn trùng đúng kỹ thuật và hiểu nhãn và ứng dụng sản phẩm khử khuẩn. Tham gia khóa đào tạo của NPMA về **Các tiêu chuẩn AIB, BRC, FSSC 2000 liên quan đến kiểm soát dịch hại**. NPMA là Hiệp hội Quản lý Dịch hại Quốc gia Hoa Kỳ/ *In addition, the team completes NPMA courses such as safe chemical application, correct insecticide use techniques, and understanding labels and disinfectant product application. They also attend NPMA training on the AIB, BRC and FSSC 2000 standards relating to pest control. NPMA is the National Pest Management Association of the USA.*



| NPMA 3rd Party Audit Scheme |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| October 2025                |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                       |
|                             | AIB – American Institute of Baking                                                                                                                                                                                                                                                          | BRC Global Standards for Food                                                                                                                                                                     | "FSSC 22000 – Food Safety System Certification"                                                                                                     | NPMA – National Pest Management Association                                                                                                                   | NSF-Cook & Thurber                                                                                                                                         | Primus GFS                                                                                                                                                                                                               | Mérieux NutrSciences Certification LLC                                                                                                                                                     | SQF – Safe Quality Food                                                                                                                                                                                                             | YUM Brands                                                                                                                                                                                                            |
| EXTERIOR RODENT CONTROL     |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                       |
| Device Types                | Not specified.                                                                                                                                                                                                                                                                              | Not specified. Adhere to local, state, and federal regulations.                                                                                                                                   | Must be described in program. Detectors and traps shall be of robust, tamper-resistant construction. They shall be appropriate for the target pest. | Based on history and assessment of potential for infestation. Bait stations or multiple-catch traps.                                                          | Not Specified. Bait stations must be identified, locked and secured in place. Secured means not easily removed and/or are not removable by general public. | Bait stations or live traps. Bait secured within station.                                                                                                                                                                | Exterior stations must be secured in place next to building, closed, and a key or a tool (e.g. allen wrench) is required to open.                                                          | Not Specified. Based on a risk assessment and resultant validated pest management plan so that the proper device, location and placement is implemented. Verification should be used to ensure type is working for pest prevention. | Must be effectively maintained, no loose or granular rodenticide is approved for use. Bait stations shall be used outside the facility.                                                                               |
| Tamper Resistant            | Bait stations must be tamper resistant, positioned, anchored in place, locked, and labeled.                                                                                                                                                                                                 | Compliance with EPA PRN 94-7 tier 1 bait station sufficient.                                                                                                                                      | Detectors and traps shall be of robust, tamper-resistant construction. They shall be appropriate for the target pest.                               | Compliance with EPA PRN 94-7 tier 1 bait station sufficient.                                                                                                  | Compliance with EPA PRN 94-7 tier 1 bait station sufficient.                                                                                               | Bait stations should be locked and tamper resistant in some way (e.g., locks, screws, etc.). Bait stations should be secured to prevent removal.                                                                         | Bait stations must be secured in place and tamper resistant. Bait must be anchored inside the station.                                                                                     | Not specified.                                                                                                                                                                                                                      | Not specified, but expected in food service facilities; required in distribution and packaging facilities.                                                                                                            |
| Device Spacing              | Placement of exterior rodent monitoring devices (including remotely monitored devices) is based on the detailed facility survey and activity history as required by county or local regulatory requirements. In absence of an assessment devices are placed in intervals of 50 to 100 feet. | Appropriately located and maintained to prevent contamination risk to product.                                                                                                                    | Pest-monitoring programs shall include the placing of detectors and traps in key locations to identify pest activity.                               | Based on professional judgment and history and assessment of potential for infestation. In the absence of historical data, initial spacing of 50 to 100 feet. | If Pest Control Operator (PCO) has not provided direction, spacing should be 50 feet or 15.25 meters.                                                      | The distance between devices should be determined based on the activity and the needs of the operation. As a reference, the following guideline can be used to locate exterior equipment: 50-100ft per v. 3.2 standards. | 25-50 feet but based upon risk.                                                                                                                                                            | They should be located and operated to prevent contamination risk to product, packaging containers, or processing equipments.                                                                                                       | Food service facilities: The number and placement of traps shall be effective to control pests and mitigate risk of entry into facility. Packaging and distribution facilities: max 50 ft except where public access. |
| Doors                       | External doors, windows, or other openings are close-fitting or otherwise past-proofed to less than 6 mm or 1/4 inch. Windows, doors, and skylights that are open are screened to prevent pest entry.                                                                                       | Maintained in good condition. Doors and dock levellers shall be close fitting or adequately proofed. External doors to open product areas shall not be opened during production periods except in | External doors, windows, or ventilation openings shall be designed to minimize the potential for entry of pests.                                    | Devices should be placed internally on either side of doors that lead to the exterior.                                                                        | Must be made based upon habitat and potential access.                                                                                                      | Doors, windows, louvers, and screens should be maintained, doors should fit tightly with a maximum allowable gap of 1/8 inch (3 mm). Doors to the outside should be loaded so that they close properly.                  | Adequate screening or other protection is provided for defense against pests. Doors and windows should be closed or screened with no gaps greater than 0.25 inch. Cracks and crevices have | All external windows, ventilation openings, doors, and other openings shall be effectively sealed when close and proofed against dust, insects and other pests.                                                                     | Devices are located in such a manner as to not contaminate product, packaging materials or equipment. Must be placed to achieve maximum efficiency.                                                                   |



# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Công ty Cổ phần PestMaster Việt Nam cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành, với **đầy đủ hồ sơ pháp lý được cơ quan có thẩm quyền cấp** gồm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Văn bản xác nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng do Sở Y tế Đà Nẵng cấp, đồng thời có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng nhằm đảm bảo quyền lợi khách hàng.

*PestMaster Vietnam JSC is committed to strict compliance with current legal regulations, holding complete legal documentation issued by the competent authorities, including the Business Registration Certificate and the Confirmation of Eligibility to Provide Insect Extermination Services issued by the Da Nang Department of Health, together with a Public Liability Insurance Certificate to protect customers' interests.*

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ Y TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 3919 /SYT-NVY Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2025  
V/v hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn

Kính gửi: Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam

Sở Y tế nhận được hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam, địa chỉ số 38 Đặng Vũ Hy, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, số điện thoại 0934.865.441.

Sau khi xem xét, rà soát hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) với các hướng dẫn tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định quản lý hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 91), Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Nghị định số 155), Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP (Nghị định số 129) và các văn bản có liên quan,

Sở Y tế thông báo:

1. Công ty đã công bố Hồ sơ đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm theo quy định tại Nghị định số 91, Nghị định số 155, Nghị định số 129. Các thông tin của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Sau khi công bố, đề nghị Công ty:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hồ sơ công bố và kết quả do Công ty thực hiện. Tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng thể hiện trên nhãn chế phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng kèm theo chế phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu sử dụng sai hướng dẫn; bảo đảm an toàn cho bản thân, môi trường và cộng đồng; nếu sử dụng chế phẩm gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật

- Thực hiện theo các quy định về cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm đã được hướng dẫn tại Nghị định số 91, Nghị định số 155 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty có trách nhiệm cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm nếu có sự thay đổi các thông tin theo quy định.

3. Sở Y tế sẽ thực hiện việc thanh tra, kiểm tra điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty theo các quy định tại Nghị định số 91, Nghị định 155, Nghị định số 129 và các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế;
- GĐ Sở Y tế;
- Công thông tin điện tử Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Lu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

  
Trương Quang Bình

SỞ TÀI CHÍNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
PHÒNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN**

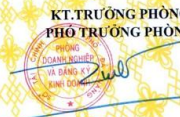
Mã số doanh nghiệp: 0402297382  
Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 09 năm 2025  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 22 tháng 04 năm 2026

**1. Tên công ty**  
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PEST MASTER VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
Tên công ty viết tắt: PEST MASTER VIETNAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**  
Thửa đất số 27-28 Khu B7 – Đô thị mới 1B đường Trịnh Hoài Đức, Phường Điện Bán Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Điện thoại: 0934.865.441 Số Fax:  
Thư điện tử: Website:

**3. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 đồng.  
Bảng chữ: Bảy tỷ đồng  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng  
Tổng số cổ phần: 700.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**  
\* Họ, chữ đệm và tên: HUYNH VĂN QUỲNH Giới tính: Nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 14/12/1986 Quốc tịch: Việt Nam  
Số định danh cá nhân: 046086011070  
Chức danh: Giám đốc  
Địa chỉ liên lạc: Tổ 56, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
  
Trần Anh Dũng

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG**

Số: 063.KD01.GCN.TN11.25.181111

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bên mua bảo hiểm             | Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM<br>Địa chỉ: 38 Đặng Vũ Hy, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Người được bảo hiểm          | Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM<br>Địa chỉ: 38 Đặng Vũ Hy, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Phạm vi bảo hiểm             | Bảo hiểm cho khoản tiền mà người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối với:<br>- Những thiệt hại bất ngờ về người (thương tật hoặc ốm đau);<br>- Những tổn thất hoặc thiệt hại bất ngờ về tài sản<br>- Tất cả các khoản phí tổn và chi phí kiện tụng<br>Được quy định tại Quy tắc bảo hiểm, điều khoản, điều kiện, điều khoản sửa đổi bổ sung và tại các điều khoản loại trừ được thỏa thuận. |
| Quy tắc bảo hiểm             | Bảo hiểm trách nhiệm công cộng: theo Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 1512/2023/QĐ-MIC ngày 10/08/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (Quy tắc bảo hiểm số 1512/2023/QĐ-MIC).                                                                                                                                                                                  |
| Thông tin đối tượng bảo hiểm | CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Mức trách nhiệm              | Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm: 2,000,000,000 VND/vụ và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm là 5,000,000,000 VND.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



PESTMASTER VIỆT NAM

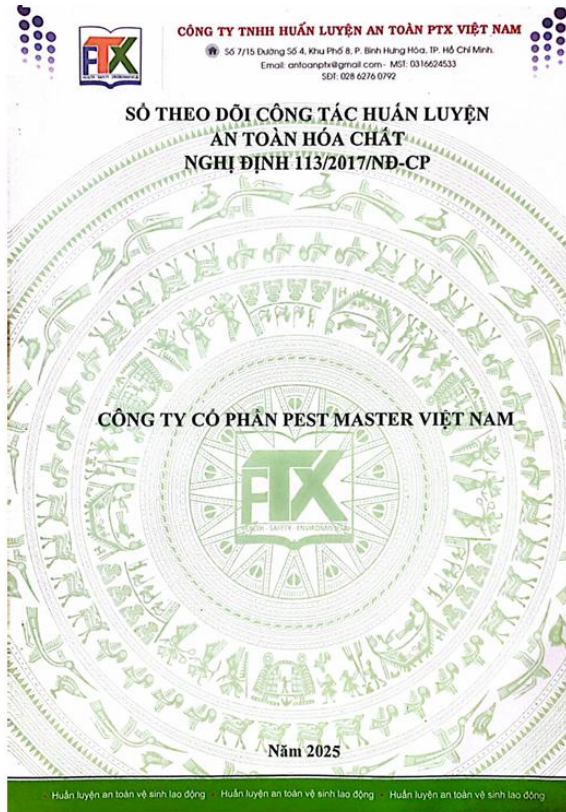


# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Toàn bộ nhân sự của PestMaster đều được huấn luyện và chứng nhận về an toàn lao động – an toàn hóa chất theo luật định, **đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện các dịch vụ kiểm soát dịch hại** tại Quý Đơn vị.

*All PestMaster personnel are trained and certified in occupational safety – chemical safety as required by law, ensuring they are fully qualified to perform pest control services at your facility.*



CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM  
Số: 04-11/QĐ-CNKHQL  
V/v: Quyết định công nhận kết quả huấn luyện  
QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HUẤN LUYỆN AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG  
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TP HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2025

- Căn cứ Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;  
- Căn cứ Nghị định 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  
- Căn cứ vào quyết định số 369/QĐ-LĐTBXH của Cục an toàn lao động ngày 25 tháng 03 năm 2021 về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện được cấp chứng chỉ huấn luyện số 27/2021/GCN ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Cục an toàn lao động cho Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam;  
- Căn cứ vào quyết định số 369/QĐ-LĐTBXH và Giấy chứng nhận số 27/2021/GCN ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Cục an toàn lao động quy định phạm vi huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 tại Danh mục Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 08 năm 2020 của Bộ trưởng BLĐTBXH cho Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam;  
- Căn cứ kết quả huấn luyện và theo đề nghị của phòng đào tạo huấn luyện Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả học tập và cấp số theo dõi huấn luyện ATVSLD cho các học viên của CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM đã hoàn thành khóa Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động dành cho cán bộ công nhân viên (nhóm 1,2,3) của Công ty (số theo dõi đính kèm).

Điều 2: Bộ phận quản lý đào tạo của Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam có trách nhiệm vào sổ theo dõi cho các học viên đã hoàn thành khóa huấn luyện.

Điều 3: Bộ phận quản lý đào tạo huấn luyện Công ty, các bộ phận liên quan và các học viên được vào sổ theo dõi huấn luyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Lưu VP

Giám-Đốc  
Đoàn Thị Thủy



# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

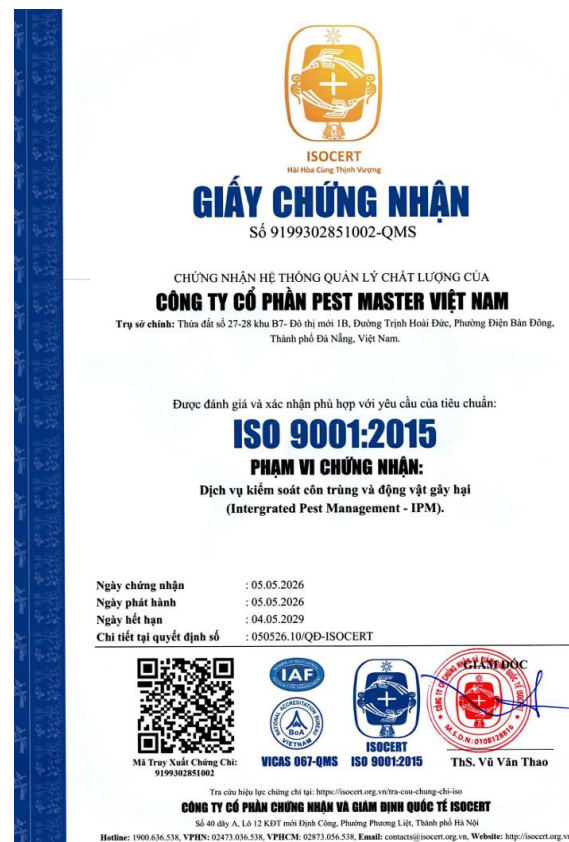
## INTERNATIONAL CERTIFICATION AND PROFESSIONAL RESOURCES

PestMaster Việt Nam là thành viên NPMA – Hiệp hội Quản lý Dịch hại Quốc gia tại Hoa Kỳ và đạt chứng nhận ISO 9001:2015.

*PestMaster Vietnam is a member of NPMA – the National Pest Management Association in the USA – and is ISO 9001:2015 certified.*

Nhờ đó, chúng tôi tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật chuyên sâu và mạng lưới chuyên gia toàn cầu, mang đến dịch vụ khoa học, chuẩn mực và hiệu quả cho khách hàng.

*This gives us access to international standards, in-depth technical documentation and a global expert network, delivering scientific, standardized and effective services to our clients.*



# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Công ty Cổ phần PestMaster Việt Nam cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành, với **đầy đủ hồ sơ pháp lý được cơ quan có thẩm quyền cấp** gồm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Văn bản xác nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng do Sở Y tế Đà Nẵng cấp, đồng thời có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng nhằm đảm bảo quyền lợi khách hàng.

*PestMaster Vietnam Joint Stock Company strictly complies with all applicable laws, holding full legal documentation issued by the competent authorities, including the Business Registration Certificate and the written confirmation of eligibility to provide insect control services issued by the Da Nang Department of Health, together with a Public Liability Insurance Certificate to protect customers' interests.*

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ Y TẾ    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 3919 /SYT-NVY    Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2025  
V/v hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn

Kính gửi: Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam

Sở Y tế nhận được hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam, địa chỉ số 38 Đặng Vũ Hy, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, số điện thoại 0934.865.441.

Sau khi xem xét, rà soát hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty Cổ phần Pest Master Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) với các hướng dẫn tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định quản lý hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 91), Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Nghị định số 155), Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP (Nghị định số 129) và các văn bản có liên quan,

- Sở Y tế thông báo:
- Công ty đã công bố Hồ sơ đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm theo quy định tại Nghị định số 91, Nghị định số 155, Nghị định số 129. Các thông tin của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.
  - Sau khi công bố, đề nghị Công ty:
    - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hồ sơ công bố và kết quả do Công ty thực hiện. Tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng thể hiện trên nhãn chế phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng kèm theo chế phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu sử dụng sai hướng dẫn; bảo đảm an toàn cho bản thân, môi trường và cộng đồng; nếu sử dụng chế phẩm gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật
    - Thực hiện theo các quy định về cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm đã được hướng dẫn tại Nghị định số 91, Nghị định số 155 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
    - Trong quá trình hoạt động, Công ty có trách nhiệm cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm nếu có sự thay đổi các thông tin theo quy định.

2

3. Sở Y tế sẽ thực hiện việc thanh tra, kiểm tra điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm của Công ty theo các quy định tại Nghị định số 91, Nghị định 155, Nghị định số 129 và các quy định hiện hành.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế;  
- GD Sở Y tế;  
- Công thông tin điện tử Sở Y tế;  
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;  
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trương Quang Bình

SỞ TÀI CHÍNH  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
PHÒNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ  
KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0402297382  
Đăng ký lần đầu, ngày 03 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty  
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PEST MASTER VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
Tên công ty viết tắt: PEST MASTER VIETNAM

2. Địa chỉ trụ sở chính  
38 Đặng Vũ Hy, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Điện thoại: 0934.865.441    Số Fax:  
Thư điện tử:    Website:

3. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng  
Bằng chữ: Ba tỷ đồng  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng  
Tổng số cổ phần: 300.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty  
\* Họ, chữ đệm và tên: HUYNH VĂN QUỲNH    Giới tính: Nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 14/12/1986    Quốc tịch: Việt Nam  
Số định danh cá nhân: 046086011070  
Chức danh: Giám đốc  
Địa chỉ liên lạc: Tổ 56, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Anh Dũng

MIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM  
TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG

Số: 063.KD01.GCN.TN11.25.181111

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bên mua bảo hiểm             | Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM<br>Địa chỉ: 38 Đặng Vũ Hy, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Người được bảo hiểm          | Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM<br>Địa chỉ: 38 Đặng Vũ Hy, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Phạm vi bảo hiểm             | Bảo hiểm cho khoản tiền mà người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối với:<br>- Những thiệt hại bất ngờ về người (thương tật hoặc ốm đau);<br>- Những tổn thất hoặc thiệt hại bất ngờ về tài sản<br>- Tất cả các khoản phí tổn và chi phí liên tục<br>Được quy định tại Quy tắc bảo hiểm, điều khoản, điều điều kiện, điều khoản sửa đổi bổ sung và tại các điều khoản loại trừ được thỏa thuận. |
| Quy tắc bảo hiểm             | Bảo hiểm trách nhiệm công cộng: theo Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 1512/2023/QĐ-MIC ngày 10/08/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (Quy tắc bảo hiểm số 1512/2023/QĐ-MIC).                                                                                                                                                                                      |
| Thông tin đối tượng bảo hiểm | CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Mức trách nhiệm              | Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm: 2,000,000,000 VND/vụ và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm là 5,000,000,000 VND.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

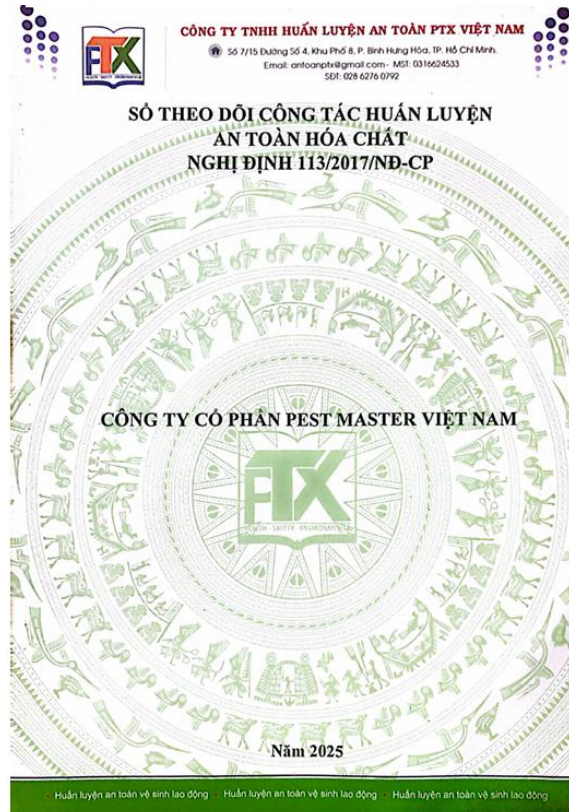


# CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHUYÊN NGHIỆP

## INTERNATIONAL CERTIFICATIONS AND PROFESSIONAL RESOURCES

Toàn bộ nhân sự của PestMaster đều được huấn luyện và chứng nhận về an toàn lao động – an toàn hóa chất theo luật định, đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện các dịch vụ kiểm soát dịch hại tại Quý Đơn vị.

*All PestMaster personnel are trained and certified in occupational safety and chemical safety as required by law, ensuring they are fully qualified to perform pest control services at your facility.*



CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM  
Số: 04-11/QĐ-CNKHQL  
V/v: Quyết định công nhận kết quả huấn luyện  
QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HUẤN LUYỆN AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG  
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TP HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2025

- Căn cứ Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;  
- Căn cứ Nghị định 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  
- Căn cứ vào quyết định số 369/QĐ-LĐTBXH của Cục an toàn lao động ngày 25 tháng 03 năm 2021 về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện được cấp chứng chỉ huấn luyện số 27/2021/GCN ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Cục an toàn lao động cho Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam;  
- Căn cứ vào quyết định số 369/QĐ-LĐTBXH và Giấy chứng nhận số 27/2021/GCN ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Cục an toàn lao động quy định phạm vi huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 tại Danh mục Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 08 năm 2020 của Bộ trưởng BLĐTBXH cho Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam;  
- Căn cứ kết quả huấn luyện và theo đề nghị của phòng đào tạo huấn luyện Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả học tập và cấp số theo dõi huấn luyện ATVSLD cho các học viên của CÔNG TY CỔ PHẦN PEST MASTER VIỆT NAM đã hoàn thành khóa Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động dành cho cán bộ công nhân viên (nhóm 1,2,3) của Công ty (số theo dõi đính kèm).

Điều 2: Bộ phận quản lý đào tạo của Công Ty TNHH Huấn Luyện An Toàn PTX Việt Nam có trách nhiệm vào sổ theo dõi cho các học viên đã hoàn thành khóa huấn luyện.

Điều 3: Bộ phận quản lý đào tạo huấn luyện Công ty, các bộ phận liên quan và các học viên được vào sổ theo dõi huấn luyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN PTX VIỆT NAM

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Lưu VP

Giám-Đốc  
Đoàn Thị Thủy



# Dịch Vụ Kiểm Soát Dịch Hại Pestmaster Việt Nam

## *Pestmaster Vietnam Pest Control Services*

Giải pháp toàn diện cho mọi cơ sở thương mại và công nghiệp với công nghệ tiên tiến và phương pháp an toàn  
*Comprehensive solutions for all commercial and industrial facilities, using advanced technology and safe methods*



### Kiểm Soát Côn Trùng & Chuột

#### *Insect & Rodent Control*

Phương pháp IPM tiên tiến kết hợp nhiều loại bẫy chuyên dụng và đèn UV hiện đại diệt côn trùng  
*Advanced IPM methods combining a range of specialized traps and modern UV insect light traps*



### Kiểm Soát Mối

#### *Termite Control*

Phương pháp truyền thống xử lý hóa chất và công nghệ sinh học hệ thống trạm mồi dẫn dụ đánh chặn mối tiên tiến bậc nhất thế giới  
*Traditional chemical treatment plus world-leading biotechnology termite baiting station systems for interception*



# Phương Pháp IPM Tiên Tiến

## *Advanced IPM Method*

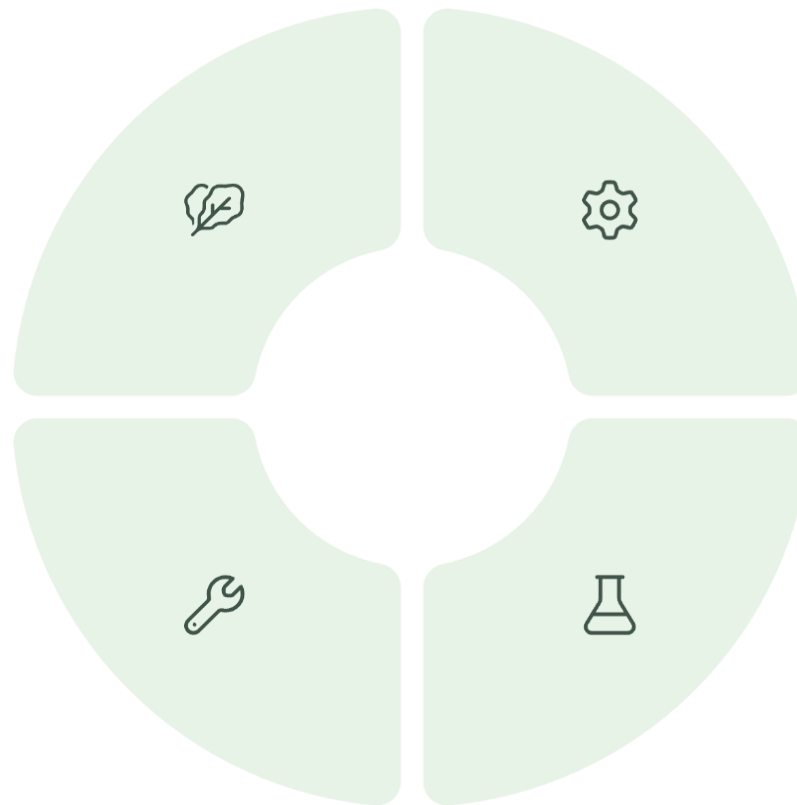
Integrated Pest Management (IPM) - Giải pháp kiểm soát dịch hại tổng hợp  
*Integrated Pest Management (IPM) - a comprehensive pest control solution*

Sinh Học  
*Biological*

Sử dụng các yếu tố tự nhiên  
để kiểm soát dịch hại  
*Using natural factors to  
control pests*

Cơ Học  
*Mechanical*

Kết hợp các công cụ và thiết bị  
chuyên dụng  
*Combining specialized tools and  
equipment*



Vật Lý  
*Physical*

Áp dụng các phương pháp cơ  
học và vật lý  
*Applying mechanical and  
physical methods*

Hóa Học  
*Chemical*

Sử dụng hóa chất an toàn, được kiểm  
chứng  
*Using safe, proven chemicals*



# GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT DỊCH HẠI THEO ĐỊNH HƯỚNG XANH

## GREEN-ORIENTED PEST CONTROL SOLUTIONS

**PESTMASTER VIỆT NAM ƯU TIÊN GIẢI PHÁP AN TOÀN – THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG**  
**PESTMASTER VIETNAM PRIORITIZES SAFE, ENVIRONMENTALLY FRIENDLY SOLUTIONS**



**Đèn bẫy côn trùng bóng LED:**  
*LED insect light traps:*

Ưu tiên bóng led, tiết kiệm điện, tuổi thọ cao và giảm phát thải nhiệt/ *LED lamps preferred - energy saving, long life and lower heat emission*



**Thiết bị phun pin ULV & Vác Vai Công Xuất Lớn**  
*phù hợp Nhà máy/ Battery ULV sprayers & high-capacity backpack units suited to factories*

Ưu tiên máy pin nhằm giảm khói và khí thải CO trong không gian/ *Battery units preferred to reduce smoke and CO emissions indoors*



**Hóa chất xanh**  
*Green chemicals*

Ưu tiên hóa chất nguồn gốc sinh học, giảm tồn dư, an toàn cho người và môi trường/ *Bio-based chemicals preferred - less residue, safe for people and the environment*



**Bẫy cơ học/ vật lý**  
*Mechanical / physical traps*

Tăng cường bẫy ruồi nâng cao hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu hóa chất  
*More fly traps to improve control effectiveness and reduce chemical use*



**Bẫy cơ học/ vật lý**  
*Mechanical / physical traps*

Tăng cường bẫy kẹp chuột nâng cao hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu hóa chất  
*More snap traps to improve rodent control and reduce chemical use*



# ĐỐI TƯỢNG KIỂM SOÁT ĐA DẠNG A WIDE RANGE OF TARGET PESTS



## Côn trùng bay Flying insects

- Ruồi các loại: Nhà, Xanh, Giấm, Cống.
- *Flies: House, Blow, Fruit, Drain.*
- Muỗi các loại: Culex, Anopheles, Aedes.
- *Mosquitoes: Culex, Anopheles, Aedes.*



Ruồi giấm  
*Fruit fly*



Ruồi cống  
*Drain fly*



Ruồi nhà  
*House fly*



Ruồi xanh  
*Blow fly*



Muỗi Anopheles  
*Anopheles mosquito*



Muỗi Aedes  
*Aedes mosquito*

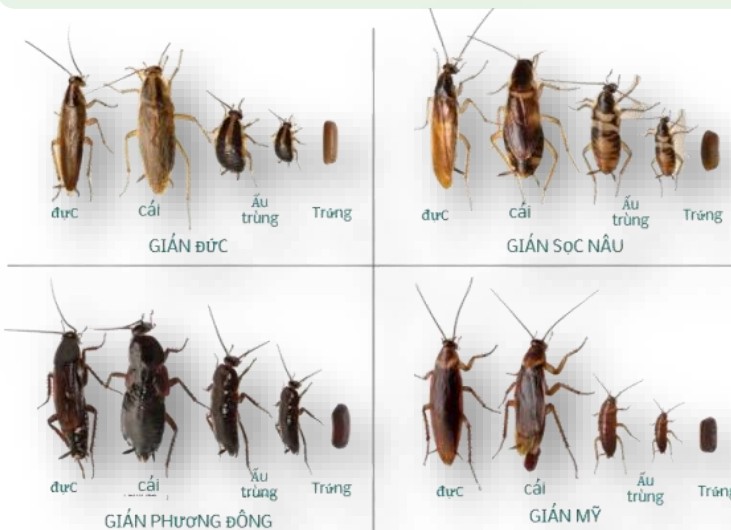


Muỗi Culex  
*Culex mosquito*



## Côn trùng bò Crawling insects

- Gián các loại: Mỹ, Đức, Phương đông.
- *Cockroaches: American, German, Oriental.*
- Kiến, kiến ba khoang.
- *Ants, rove beetles.*



Kiến  
*Ant*



Kiến ba khoang  
*Rove beetle*



## Động vật gây hại Pest animals

- Chuột các loại: Đàn, Nhà, Cống.
- *Rodents: Roof rat, House mouse, Norway rat.*
- Rắn, mèo.
- *Snakes, cats.*



Chuột nhà  
*House mouse*



Chuột đàn  
*Roof rat*



Chuột cống  
*Norway rat*



Rắn  
*Snake*



Mèo  
*Cat*



# Kiểm Soát Chuột

## *Rodent Control*

### Chuột Cống *Norway Rat*

Loài chuột lớn, thường sống trong cống rãnh, khu đất trống,...  
*A large rat, typically living in sewers and vacant land.*

### Chuột Nhà *House Mouse*

Loài chuột nhỏ, thích nghi cao trong môi trường sống của con người. Phá hoại thực phẩm và đồ dùng.  
*A small rodent, highly adapted to human environments. Damages food and property.*

### Chuột Đàn *Roof Rat*

Chuột đàn là loài thường sống tập trung theo đàn. Có khả năng thích nghi rất cao, chỉ cần một khe hở nhỏ là có thể chui qua và sinh sản nhanh chóng.  
*Roof rats typically live together in colonies. Highly adaptable, they can squeeze through the smallest gap and breed rapidly.*



**Hành động nhanh chóng** là chìa khóa để ngăn chặn sự phát triển của loài gặm nhấm và bảo vệ tài sản, hình ảnh, thương hiệu của bạn.

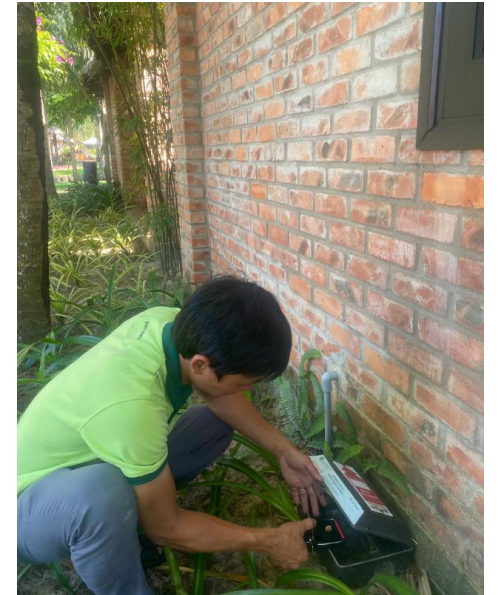
*Acting fast is key to stopping rodent growth and protecting your assets, image and brand.*



# KIỂM SOÁT CHUỘT BÊN NGOÀI/ *EXTERNAL RODENT CONTROL*

Giải pháp kiểm soát chuột được triển khai đồng bộ trong và ngoài, tạo thành ‘hàng rào kép’ với lớp hàng rào phòng vệ bên ngoài và lớp ngăn chặn bên trong  
*Rodent control is deployed consistently inside and outside, forming a ‘double barrier’ with an outer defensive line and an inner blocking line*

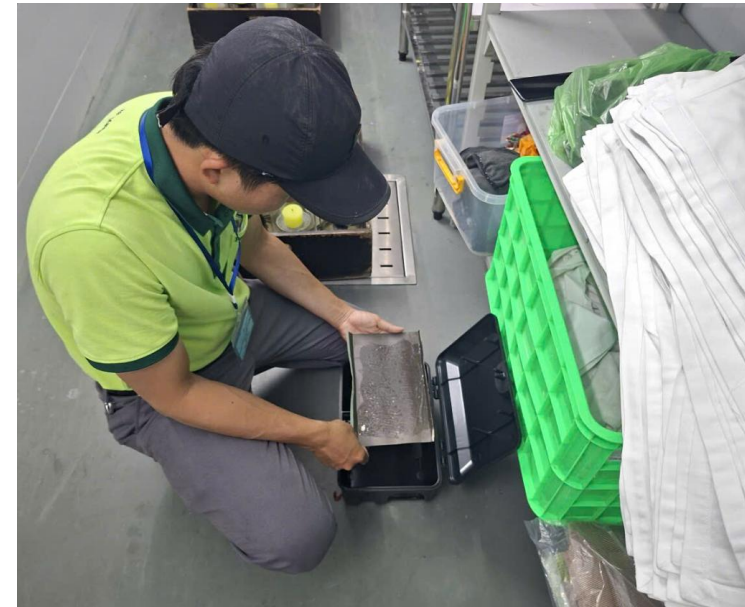
- **Đánh Giá Nguyên Nhân:** Xác định điểm xâm nhập, tư vấn vệ sinh - ngăn chặn từ bên ngoài.
- *Cause Assessment: Identify entry points, advise on sanitation - block pests from outside.*
- **Lắp Đặt Hệ Thống:** Bố trí trạm bả chuột tại các vị trí chiến lược, tạo lớp hàng rào phòng vệ ngay từ bên ngoài.
- *System Installation: Place bait stations at strategic points, forming an outer defensive barrier.*
- **Bảo Trì Định Kỳ:** Kiểm tra, vệ sinh, thay bả theo lịch trình để duy trì hiệu quả tối ưu.
- *Periodic Maintenance: Inspect, clean and replace bait on schedule to maintain optimal results.*



# KIỂM SOÁT CHUỘT BÊN TRONG/ *INTERNAL RODENT CONTROL*

*Giải pháp kiểm soát chuột được triển khai đồng bộ trong và ngoài, tạo thành 'hàng rào kép' với lớp hàng rào phòng vệ bên ngoài và lớp ngăn chặn bên trong*  
*Rodent control is deployed consistently inside and outside, forming a 'double barrier' with an outer defensive line and an inner blocking line*

- **Đánh Giá Nguyên Nhân:** Kiểm tra dấu hiệu chuột, tư vấn vệ sinh - hạn chế các yếu tố thu hút chuột.
- **Cause Assessment:** Check rodent signs, advise on sanitation - reduce factors that attract rodents.
- **Lắp Đặt Hệ Thống:** Bố trí trạm bẫy keo/ bẫy cơ chuột bên trong các khu vực, tạo hàng rào ngăn chặn bên trong.
- **System Installation:** Place glue/mechanical trap stations inside areas, forming an inner blocking barrier.
- **Bảo Trì Định Kỳ:** Kiểm tra, vệ sinh, thay bẫy theo lịch trình để duy trì hiệu quả tối ưu.
- **Periodic Maintenance:** Inspect, clean and replace traps on schedule to maintain optimal results.



# TƯ VẤN GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN CHUỘT XÂM NHẬP

## RODENT INTRUSION PREVENTION CONSULTING

Thực tế cho thấy chuột thường đi theo đường ống kỹ thuật điện vào la phong trần,... những khu vực dễ bị bỏ sót. Với kinh nghiệm thực tiễn, PestMaster đã nhận diện và xử lý hiệu quả những rủi ro này. Hình ảnh tham khảo thực tế bên dưới/ In practice, rodents travel along electrical conduits into ceiling voids... areas easily overlooked. With hands-on experience, PestMaster identifies and effectively handles these risks. Real reference images below.



- Phân chuột mới được bao phủ bởi một lớp chất nhầy
- *Fresh droppings are coated with a mucous layer*
- Trong phân thường xuất hiện lông - chải chuột lông
- *Droppings often contain hair from grooming*



- Chuột thường di chuyển qua các khe hở
- *Rodents often travel through gaps and crevices*
- Để lại vết bám trên bề mặt tiếp xúc khi di chuyển nhiều
- *Leaving rub marks on surfaces along frequent runways*



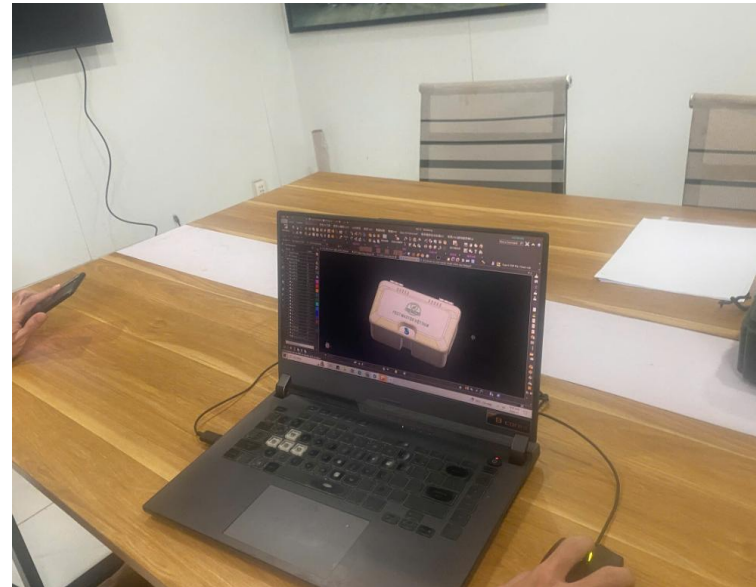
## HỘP ĐỰNG BẢ / BẤY CHUỘT PESTMASTER VIỆT NAM PESTMASTER VIETNAM RODENT BAIT / TRAP STATION

PestMaster Việt Nam chủ động đầu tư khuôn mẫu và ký hợp đồng với nhà máy nhựa chuyên gia công phụ kiện cho xe ô tô THACO để **thiết kế – sản xuất riêng mẫu hộp đựng bả/bẫy chuột độc quyền**, không sử dụng các mẫu đại trà trên thị trường.

*PestMaster Vietnam proactively invested in molds and signed a contract with a plastics factory specializing in auto parts for THACO to design and produce its own exclusive rodent bait/trap station, rather than using mass-market models.*

Sản phẩm được **chú trọng chất lượng, độ bền và tính đa năng**, không chỉ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mà còn thể hiện rõ **định vị thương hiệu PestMaster Việt Nam lấy chất lượng làm nền tảng**, hướng tới dịch vụ **chuyên nghiệp và bền vững**.

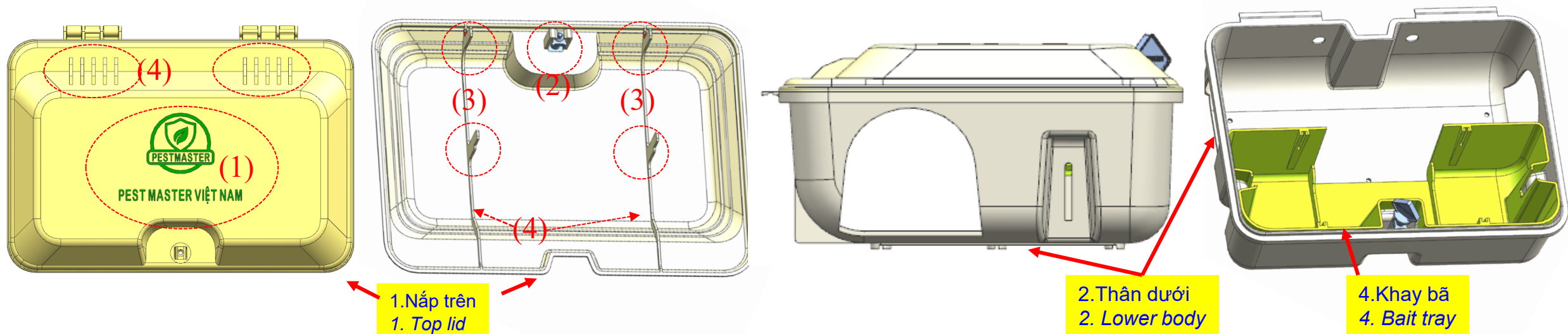
*The product emphasizes quality, durability and versatility, meeting technical requirements while clearly reflecting PestMaster Vietnam's brand positioning: quality as the foundation, aiming at professional and sustainable service.*



Hình ảnh ghi nhận lại quá trình làm việc với nhà máy và team thiết kế  
*Photos documenting the work with the factory and the design team*



## TỔNG THỂ SẢN PHẨM HỘP CHUỘT PESTMASTER VIỆT NAM PESTMASTER VIETNAM RODENT STATION PRODUCT OVERVIEW



| Tên sản phẩm/ <i>Product name</i>                                              | <b>Rodent Bait Station</b>                  | Mã số: 76/ <i>Code: 76</i>                       | Model: RDS-251125                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước (L×W×H)<br><i>Dimensions (L×W×H)</i>                                | <b>L=285</b>                                | <b>W=205</b>                                     | <b>H=105</b>                                                                                       |
| Tên bản vẽ<br><i>Drawing name</i>                                              | <b>Rodent Bait</b>                          | Ngày ban hành<br><i>Issue date</i>               | <b>25.11.2025</b>                                                                                  |
| Vật liệu nhựa – Màu Sắc<br><i>Plastic material – Color</i>                     | <b>ABS - Đen</b><br><b>ABS - Black</b>      | Mã nhựa<br><i>Resin code</i>                     | Hệ số co rút: 0.5%<br><b>Shrinkage rate: 0.5%</b>                                                  |
| Nhựa ABS – hộp PestMaster VN<br><i>ABS plastic – PestMaster VN station</i>     | <b>Tốt: 130 độ C</b><br><b>Good: 130°C</b>  | Hóa dẻo: 190 độ C<br><i>Softening: 190°C</i>     | <b>Nóng chảy: 230 độ C</b><br><b>Melting: 230°C</b>                                                |
| Nhựa PP – hộp các đơn vị Khác<br><i>PP plastic – other suppliers' stations</i> | <b>Tốt: 80 độ C</b><br><b>Good: 80°C</b>    | Hóa dẻo: 140 độ C<br><i>Softening: 140°C</i>     | <b>Nóng chảy: 190 độ C</b><br><b>Melting: 190°C</b>                                                |
| Độ cứng<br><i>Hardness</i>                                                     | Nhựa ABS: Rất cứng<br><i>ABS: Very hard</i> | Nhựa PP: Dẻo, vừa<br><i>PP: Flexible, medium</i> | Hộp PestMaster<br><i>PestMaster station</i><br>Chịu được lực 300kg<br><i>Withstands 300kg load</i> |
| Chịu va đập<br><i>Impact resistance</i>                                        | Nhựa ABS: Rất tốt<br><i>ABS: Very good</i>  | Nhựa PP: Trung bình<br><i>PP: Medium</i>         |                                                                                                    |

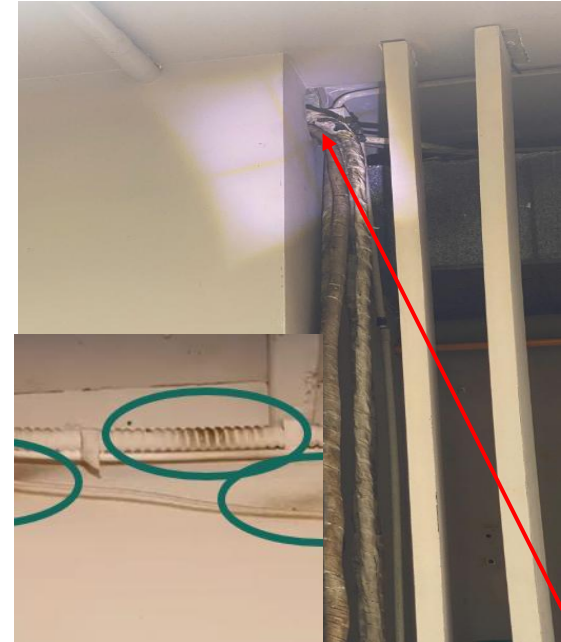


# TƯ VẤN GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN CHUỘT XÂM NHẬP

## RODENT INTRUSION PREVENTION SOLUTION CONSULTING

Thực tế cho thấy chuột thường đi theo máng điện, cống, tường rào và cửa mở ban đêm... những nơi dễ bị bỏ sót. Với kinh nghiệm thực tiễn, PestMaster đã nhận diện và xử lý hiệu quả những rủi ro này. Hình ảnh tham khảo thực tế bên dưới.

*In practice, rodents travel along cable trays, drains, boundary walls and doors left open at night - places easily overlooked. With hands-on experience, PestMaster identifies and effectively handles these risks. Real reference images below.*



- Phân chuột mới được bao phủ bởi một lớp chất nhầy
- *Fresh rodent droppings are coated with a layer of mucus*
- Trong phân thường xuất hiện lông - chải chuốt lông
- *Hair often appears in droppings - from grooming*

- Chuột thường di chuyển qua các khe hở
- *Rodents commonly travel through gaps*
- Để lại vết bám trên bề mặt tiếp xúc khi di chuyển nhiều
- *They leave smear marks on contacted surfaces with frequent movement*



# Kiểm Soát Côn Trùng/ *Insect Control*

## RUỒI/ *FLIES*

Thường sinh sản ở thùng rác, khu vực ủ phân, khu vực ẩm ướt chứa nhiều chất thải hữu cơ,...

*Typically breed in trash bins, compost areas and damp areas with abundant organic waste, etc.*



Ruồi nhà  
*House fly*



Ruồi xanh  
*Blow fly*



Ruồi giấm  
*Fruit fly*



Ruồi cống  
*Drain fly*

## KIẾN/ *ANTS*

Làm tổ trong đất, khe tường, gỗ mục và khu vực gần nguồn thức ăn; thường xâm nhập bếp, kho nguyên liệu và nơi chứa thực phẩm

*Nest in soil, wall crevices, decayed wood and areas near food sources; often invade kitchens, material stores and food storage areas*



Kiến  
*Ants*

PESTMASTER cung cấp dịch vụ kiểm soát côn trùng toàn diện cho các kho lưu trữ và nhà máy tại Việt Nam. Đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo chuyên sâu, sử dụng công nghệ hiện đại và đa dạng các giải pháp.

*PESTMASTER provides comprehensive insect control services for warehouses and factories in Vietnam. Our intensively trained technicians use modern technology and a wide range of solutions.*

## MUỖI/ *MOSQUITOES*

Đẻ trứng và phát triển trong ao tù, nước đọng, dụng cụ chứa nước quanh nhà; một số loài (như muỗi Aedes) hoạt động mạnh vào ban ngày

*Lay eggs and develop in stagnant ponds, standing water and water containers around the home; some species (such as Aedes) are highly active during the day*



Muỗi Aedes  
*Aedes mosquito*



Muỗi Culex  
*Culex mosquito*

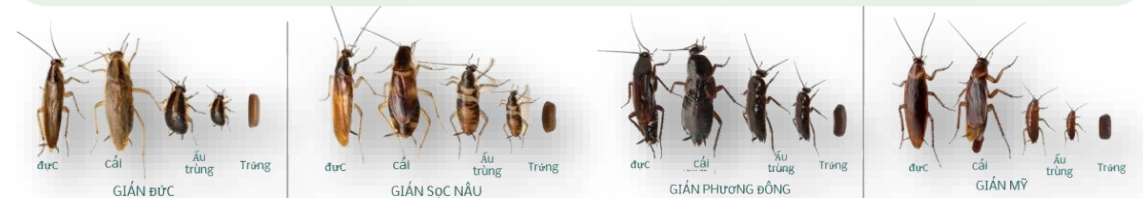


Muỗi Anopheles  
*Anopheles mosquito*

## GIÁN/ *COCKROACHES*

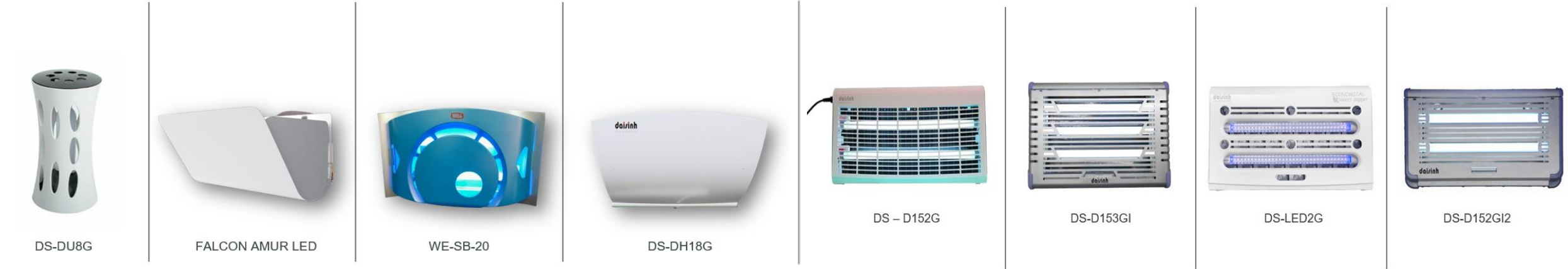
Ẩn náu ở khe nứt, đường ống, gầm bếp, khu vực tối ẩm, cống rãnh; sinh sản nhanh.

*Hide in cracks, pipes, under kitchens, dark damp areas and drains; breed rapidly.*



CÁC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CÔN TRÙNG: KIỂM SOÁT VẬT LÝ

INSECT TREATMENT METHODS: PHYSICAL CONTROL



# PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG - KIỂM SOÁT HÓA CHẤT

## INSECT CONTROL METHODS - CHEMICAL CONTROL

Mỗi phương pháp đều được lựa chọn nhằm tối ưu hiệu quả kiểm soát, đồng thời không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của cơ sở  
Each method is selected to optimize control effectiveness without disrupting the facility's business operations

**Khu vực bên trong**  
*Indoor areas*  
**Phun tồn lưu**  
*Residual spraying*

Sử dụng bình phun áp lực phun tồn lưu lên bề mặt  
tường, gầm giường, gầm bàn ghế ....  
*Using pressure sprayers to apply residual treatment  
on walls, under beds, under furniture, etc.*



**Khu vực bên ngoài**  
*Outdoor areas*

**Phun stihl/ Phun mù nóng**  
*Stihl spraying / Thermal fogging*

Sử dụng máy Stihl hoặc máy phun mù nóng cho các  
khu vực tầng hầm, hệ thống cống, bên ngoài, xung  
quanh ...  
*Using Stihl machines or thermal foggers for basements,  
drainage systems, outdoor and surrounding areas ...*



**Khu vực bên trong**  
*Indoor areas*  
**Phun không gian**  
*Space spraying*

Sử dụng máy phun ULV phun thuốc trong không gian  
khu vực phòng làm việc, khu công cộng, toilet...  
*Using ULV foggers to treat the air in offices, public  
areas and restrooms ...*



# PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG INSECT CONTROL METHODS

Chúng tôi **ứng dụng các thiết bị chuyên dụng**, góp phần nâng cao hiệu quả trong toàn bộ quá trình kiểm soát dịch hại.

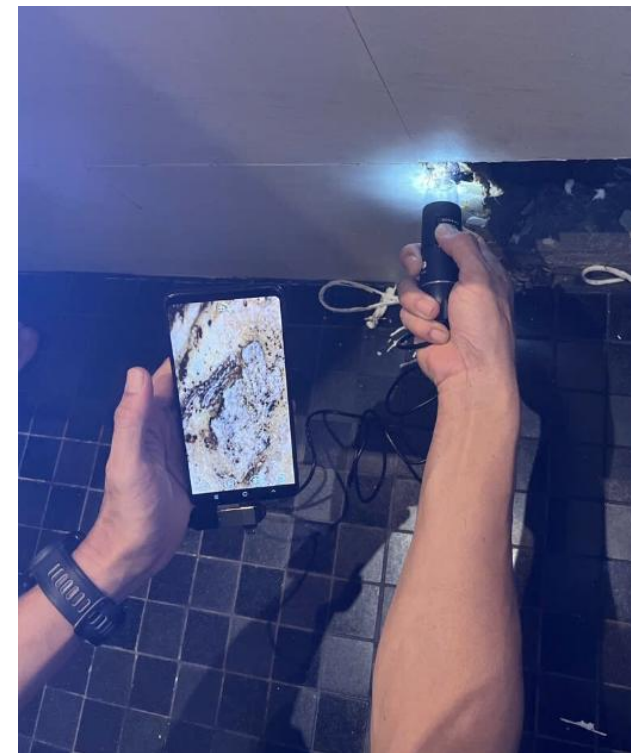
We **apply specialized equipment**, helping improve effectiveness throughout the entire pest control process.



Thiết bị đo độ ẩm  
Moisture meter



Camera nội soi, soi khe hẹp  
Endoscopic crevice inspection camera



Kính phóng đại vật thể  
Magnifying glass



# PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG/ *INSECT CONTROL METHODS*

**Đối với khu vực bên ngoài:** Khảo sát các nguồn phát sinh tiềm ẩn và xử lý ngay từ gốc. Giải pháp này giúp ngăn ngừa côn trùng xâm nhập vào bên trong công trình ngay từ vòng ngoài. Một số hình ảnh ghi nhận từ thực tế/ **For outdoor areas:** *Survey potential breeding sources and treat them at the root. This prevents insects from entering the building from the outer perimeter. Some images recorded in practice.*



**Muỗi / Mosquitoes**

Thường xuất hiện tại các chum, vại nước trang trí

*Often found in decorative water jars and containers*



**Gián / Cockroaches**

Thường phát sinh trong hệ thống cống thoát - chứa chất thải hữu cơ

*Usually breed in drainage systems containing organic waste*



**Ruồi cống / Drain flies**

Sinh sản từ đường cống thoát nước, đặc biệt tại những nơi ẩm thấp

*Breed in drains, especially in damp, low-lying places*



**Ruồi nhà / House flies**

Sinh sản từ các khu vực ủ phân – rác thải, chứa chất thải hữu cơ

*Breed in compost and waste areas containing organic matter*



# PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG

## INSECT CONTROL METHODS

**Đối với khu vực bên trong:** Lắp đặt đèn bẫy côn trùng tại các vị trí chiến lược. *Sử dụng đa dạng các dòng đèn có tính thẩm mỹ cao, phù hợp cho nhà hàng, khu lễ tân, bếp,.../ For indoor areas: Install insect light traps at strategic locations. A wide range of highly aesthetic lamp models suited to restaurants, receptions, kitchens, etc.*



# CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CỦA ĐÈN BẦY CÔN TRÙNG

## QUALITY CERTIFICATION OF INSECT LIGHT TRAPS

**Đèn bẫy côn trùng:** Mỗi sản phẩm đều được cung cấp đầy đủ tài liệu về thông số kỹ thuật và giấy chứng nhận xuất xưởng, chứng nhận kiểm định QuaTest 3 từ nhà sản xuất. Ngoài ra, một số dòng đèn còn có chứng nhận HACCP và chứng nhận môi trường của cơ sở sản xuất đèn, **đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng quốc tế.**

*Insect light traps: Every product comes with full technical specification documents, factory certificates and QuaTest 3 inspection certificates from the manufacturer. Some lamp models also carry HACCP and environmental certificates of the manufacturing facility, ensuring compliance with international safety and quality standards.*



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

GIẤY CHỨNG NHẬN  
Số: 00013/N5.25/CNHC

Sản phẩm:

| TT | Tên sản phẩm      | Hiệu    | Model     | Thông số kỹ thuật (theo ghi nhãn) |
|----|-------------------|---------|-----------|-----------------------------------|
| 1  | Đèn bắt côn trùng | DAISINH | DS-DLED2G | 220-240 V~; 50 Hz; 20 W.          |

Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận:

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đại Sinh  
Số 19, Đường 15, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà sản xuất:

Công ty TNHH Sure Green (Việt Nam)  
Số 23, VSIP II-A, Đường số 26, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phù hợp với tiêu chuẩn:

TCVN 5699-1:2010

Phương thức chứng nhận:

PƯƠNG THỨC 1  
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Kết quả thử nghiệm điển hình số: KT3-00611AEE5 ngày 05/11/2025.

Ngày cấp : 05/12/2025.

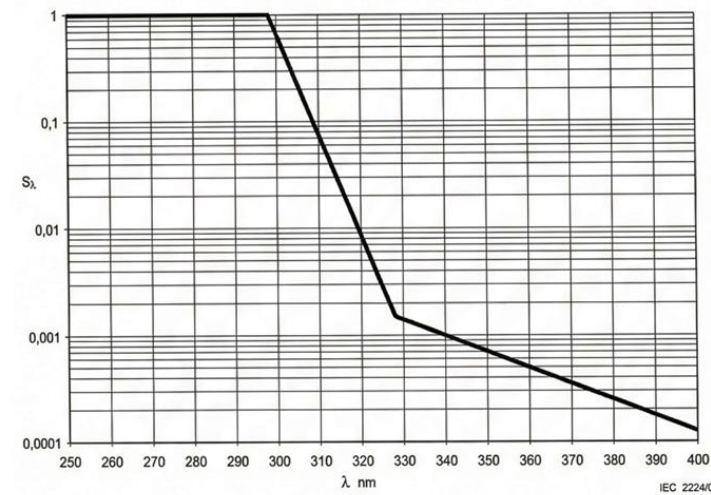
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

  
Lê Đăng Huyền

### Về việc: ĐỘ AN TOÀN QUANG SINH HỌC CỦA ĐÈN DIỆT CÔN TRÙNG DAISINH CÔNG NGHỆ LED UVA

Các dòng đèn diệt côn trùng **DAISINH** thế hệ mới sử dụng công nghệ LED UVA được nghiên cứu và sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt. Chúng tôi cam kết các chỉ số về cường độ ánh sáng và dải phổ phát xạ luôn nằm trong ngưỡng an toàn tuyệt đối cho sức khỏe con người.

Theo tiêu chuẩn an toàn quốc tế, các bước sóng ngắn (dưới 320nm) thuộc dải UV-B và UV-C là vùng năng lượng cần được kiểm soát chặt chẽ do có khả năng gây tác động tiêu cực đến da và mắt. Biểu đồ dưới đây (trích từ Tiêu chuẩn Quốc tế) minh họa ngưỡng giới hạn tiếp xúc an toàn:



Tại sao công nghệ LED UVA của DAISINH đảm bảo an toàn vượt trội:

**Kiểm soát phổ ánh sáng chính xác:** Khác với bóng đèn huỳnh quang truyền thống thường có dải phổ rộng, các chip LED UVA của DAISINH được thiết kế để phát xạ tập trung trong dải hẹp (đỉnh phổ từ 365nm - 370nm). Điều này đảm bảo **không có phát xạ dưới ngưỡng 320nm**, loại bỏ hoàn toàn các tia UV độc hại.

**Độ ổn định cao:** Công nghệ LED không sử dụng hóa chất huỳnh quang, giúp bước sóng luôn duy trì ổn định tại "điểm ngắt" an toàn suốt vòng đời của đèn, không bị dịch chuyển phổ như các loại bóng cũ.

**Thân thiện với môi trường và con người:** Sản phẩm không chứa thủy ngân, không phát sinh khí Ozone, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất trong môi trường công nghiệp thực phẩm và y tế (HACCP, ISO).

Vì những lý do trên, đèn diệt côn trùng **DAISINH** công nghệ LED UVA được chứng nhận là giải pháp kiểm soát côn trùng an toàn, bền bỉ và hiệu quả nhất trên thị trường hiện nay.

Trần trọng

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & Đóng dấu)



# HỖ TRỢ ĐÀO TẠO VỀ NHẬN DIỆN VÀ PHÒNG NGỪA DỊCH HẠI

## TRAINING SUPPORT ON PEST IDENTIFICATION AND PREVENTION

Thực hiện: 01 năm/lần/ Frequency: once per year



1

### Giới thiệu về PestMaster Việt Nam

#### Introduction to PestMaster Vietnam

Đơn vị kiểm soát dịch hại hàng đầu Việt nam  
Vietnam's leading pest control provider

2

### Tìm hiểu tổng quan về dịch hại

#### Overview of pests

Tìm hiểu về đặc tính và Nhận diện các loại dịch hại  
Understanding pest characteristics and identification

3

### Biện pháp phòng ngừa

#### Preventive measures

Kiểm soát nguy cơ từ các hoạt động và dịch hại mùa  
Controlling risks from operations and seasonal pests



# QUY TRÌNH TRIỂN KHAI DỊCH VỤ

## SERVICE IMPLEMENTATION PROCESS



### 1. Khảo sát Hiện trạng

#### 1. Site Survey

**Đánh giá toàn diện tình hình dịch hại**, xác định các điểm rủi ro tiềm ẩn tại tất cả các khu vực trong Nhà máy và bên ngoài sân vườn, xung quanh nhà xưởng, các khu giáp ranh.

*Comprehensive assessment of the pest situation, identifying potential risk points across all plant areas as well as outdoor grounds, workshop surroundings and bordering areas.*



### 2. Xây dựng Kế hoạch kiểm soát

#### 2. Building the Control Plan

Sau khi ký hợp đồng, chúng tôi sẽ **lập kế hoạch kiểm soát dịch hại định kỳ**.  
*After contract signing, we prepare a periodic pest control plan.*



### 3. Lắp đặt Thiết bị

#### 3. Equipment Installation

Lắp đặt các thiết bị như **đèn bẫy côn trùng, trạm bẫy/bả chuột** tại các vị trí chiến lược, đảm bảo an toàn và không ảnh hưởng đến mỹ quan khu nghỉ dưỡng.

*Install equipment such as insect light traps and rodent bait/trap stations at strategic locations, ensuring safety without affecting the resort's appearance.*



### 4. Xử lý Ban đầu

#### 4. Initial Treatment

**Thực hiện các biện pháp tổng lực** nhằm giảm thiểu tối đa số lượng dịch hại hiện có, ưu tiên sử dụng các phương pháp thân thiện môi trường và an toàn.

*Carry out intensive measures to minimise the existing pest population, prioritising environmentally friendly and safe methods.*

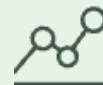


### 5. Duy trì Định kỳ

#### 5. Periodic Maintenance

Tiến hành xử lý định kỳ theo lịch trình, **duy trì các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu tối đa dịch hại xâm nhập**.

*Perform scheduled periodic treatments and maintain control measures to minimise pest intrusion.*



### 6. Giám sát & Cải tiến

#### 6. Monitoring & Improvement

Liên tục **theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời các phương án** để tối ưu hóa hiệu quả kiểm soát dịch hại lâu dài.

*Continuously monitor, evaluate and promptly adjust plans to optimise long-term pest control effectiveness.*



# TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - ĐA DẠNG

## MODERN AND DIVERSE EQUIPMENT

Máy Phun ULV  
*ULV Sprayer*  
Sương mịn, phủ đều không gian.  
*Fine mist, evenly covering the space.*



Máy Phun Khói  
*Thermal Fogger*  
Tạo khói, tiếp cận những khu vực  
máy phun sương khó tiếp cận.  
*Creates fog to reach areas  
that mist sprayers cannot.*



K-10-SP

Máy Stihl SR420  
*Stihl SR420*  
Động cơ mạnh, phun sân vườn  
và nhà xưởng.  
*Powerful engine, sprays grounds  
and workshops.*



Bình Bơm Tay  
*Hand Pump Sprayer*  
Phun tồn lưu bên trong.  
*Residual spraying indoors.*



BÌNH BÌNH MINH 5L-BX 5



BÌNH ARBUDA 5L

Máy Cao Áp  
*High-Pressure Sprayer*  
Động cơ mạnh, phun sân vườn.  
*Powerful engine, sprays grounds.*



Máy phun điện  
*Electric Sprayer*  
Phun sân vườn, nhà xưởng.  
*Sprays grounds and workshops.*



Thiết bị  
*Equipment*  
Camera soi khe hẹp và đo độ ẩm  
*Crevice inspection camera and moisture meter*



Thiết bị  
*Equipment*  
Gương soi góc khuất, đèn pin và  
kính phóng đại vật thể  
*Inspection mirror, flashlight and  
magnifying glass*



TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - ĐA DẠNG  
MODERN - DIVERSE EQUIPMENT

Toàn bộ trang thiết bị phun do PestMaster sử dụng đều kèm theo đầy đủ tài liệu kỹ thuật, đảm bảo minh bạch và tuân thủ các yêu cầu về sử dụng an toàn. Tất cả thiết bị nhập khẩu đều có tài liệu kỹ thuật của thiết bị, CO (Chứng nhận xuất xứ), CQ (Chứng nhận chất lượng) và biên bản giao nhận, phiếu bảo hành – chứng từ hợp pháp đầy đủ theo quy định

*All spraying equipment used by PestMaster comes with complete technical documentation, ensuring transparency and compliance with safe-use requirements. All imported equipment has technical documents, CO (Certificate of Origin), CQ (Certificate of Quality), handover records and warranty cards - full legal documentation as required*

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country):  
SHENZHEN YUANZHOU IMPORTS & EXPORTS CO., LTD  
8th ALDO, 8th BUILDING SHENYUAN ROAD EAST  
LUOHU DISTRICT SHENZHEN CHINA

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country):  
JIN ANH VET NAM TRADING AND SERVICES  
JOINT STOCK COMPANY  
20th FLOOR, NO. 4 ALLEY, 1st VIA STREET, HA  
DONG WARD, HA NOI CITY, VIET NAM  
TEL: (+84) 33 561960  
FAX: (+84) 33 561961  
ATTN: MS. NGUYEN THUY NGAN

3. Means of transport and route (as far as known):  
FROM SHENZHEN, CHINA TO HA NOI VIET NAM VIA HONG KONG CHINA BY AIR

4. For Official Use

5. Date of departure:  
NOV 12, 2025  
Vessel's name / Aircraft etc.  
C3317  
Port of Discharge  
HA NOI VIET NAM VIA HONG KONG CHINA

6. Item number

7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)

8. Origin certificate (see Overleaf Notes)

9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when INCOTERMS is applied

10. Number, date of invoices

11. Declaration by the exporter  
The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct, that all the products were produced in  
and were consigned to the consignee specified for these products in the  
and were consigned to the consignee specified for these products in the

12. Certifications  
is hereby certified on the basis of control carried out that the declaration by the exporter is correct.

13. Issued Retroactively  
Movement Certificate  
Exhibition  
Third Party Issuing

SHENZHEN CHINA NOV 14, 2025

SHENZHEN CHINA NOV 14, 2025

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM  
CERTIFICATION CERTIFICATE

SHENZHEN LONGRAY TECHNOLOGY CO., LTD  
The Quality Management System Conforms to the Standard  
GB/T19001-2016/ISO9001:2015

Registered Address: Room 1904, 19th Floor, Block A, 3rd Building, Intelligent Park, No.76 Baohe Avenue, Baolong Community, Baolong Street, Longgang District, Shenzhen, China  
Business Location: Room 1904, 19th Floor, Block A, 3rd Building, Intelligent Park, No.76 Baohe Avenue, Baolong Community, Baolong Street, Longgang District, Shenzhen, China  
Production Address: Mashian Area, Honghu Village Committee, Xin'an Community, Daling Street, Huidong County, Huizhou City, China

Certified Scope: Design and production of thermal foggers and various of foggers sprayers (3C products are limited to the scope of valid certificates)

Unified Social Credit Code : 914403007432191186  
Registration No. : 04323Q31477R1M11  
First Issuing Date : 07 May 2021  
Issuing Date : 28 Jun. 2023  
Expiration Date : 29 Nov. 2026

Issued By: Meng Yong ge

IAF  
CNAS  
中国认可  
国际互认  
管理体系  
MANAGEMENT SYSTEM  
CNAS C043-M

SHENZHEN CHINA NOV 14, 2025



Máy phun PIN ULV 220D  
ULV 220D battery sprayer

Ngoài ra còn ứng dụng nhiều máy Pin như Vác vai,....

*Many other battery-powered units are also used, such as backpack sprayers, etc.*

Hãng sản xuất: Longray – đơn vị chuyên sản xuất thiết bị phun chuyên dụng, xuất khẩu sang thị trường châu Âu và hơn 130 quốc gia trên thế giới  
Manufacturer: Longray - a specialist maker of professional spraying equipment, exporting to Europe and over 130 countries worldwide  
Các sản phẩm của Longray đã vượt qua nhiều quy trình kiểm nghiệm quốc tế và nhận được chứng nhận từ các tổ chức uy tín như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Conformist Européenne (CE)  
Longray products have passed many international tests and are certified by reputable bodies such as the World Health Organization (WHO) and Conformite Européenne (CE)

# TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - ĐA DẠNG MODERN - DIVERSE EQUIPMENT

Toàn bộ trang thiết bị phun do PestMaster sử dụng đều kèm theo đầy đủ tài liệu kỹ thuật, đảm bảo minh bạch và tuân thủ các yêu cầu về sử dụng an toàn. Tất cả thiết bị nhập khẩu đều có tài liệu kỹ thuật của thiết bị, CO (Chứng nhận xuất xứ), CQ (Chứng nhận chất lượng) và biên bản giao nhận, phiếu bảo hành – chứng từ hợp pháp đầy đủ theo quy định

*All spraying equipment used by PestMaster comes with complete technical documentation, ensuring transparency and compliance with safe-use requirements. All imported equipment has technical documents, CO (Certificate of Origin), CQ (Certificate of Quality), handover records and warranty cards - full legal documentation as required*

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)  
SHENZHEN YEACHOU IMPORTS & EXPORTS CO., LTD  
B1A1202, JIANG BUILDING, SHENYUAN ROAD EAST  
LUOHU DISTRICT SHENZHEN CHINA

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)  
THE AYS VET NAM TRADING AND SERVICES  
JOINT STOCK COMPANY  
ADD: 3RD FLOOR, NO. 4, ALLEY 57, LIA STREET, HA  
DONG WARD, HA NOI CITY, VIET NAM  
TEL: (+844) 33 561063  
FAX: (+844) 33 561063  
ATTN: NGUYEN THUY NGAN

3. Means of transport and route (as far as known)  
FROM SHENZHEN, CHINA TO HA NOI VIET NAM VIA HONG KONG CHINA BY AIR

4. For Official Use  
☐ Preferential Treatment Given  
☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason(s))

5. Item number  
6. Marks and numbers on packages  
7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)  
8. Origin criteria (see Overleaf Notes)  
9. Gross weight or net weight (or other quantity, and value (FOB) only when FVC criterion is applied)  
10. Number, date of invoices

| Item number | Marks and numbers on packages | Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code) | Origin criteria (see Overleaf Notes) | Gross weight or net weight (or other quantity, and value (FOB) only when FVC criterion is applied) | Number, date of invoices  |
|-------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1           | UNV-1                         | THERMAL FOGGER, MODEL: TS-35A 3UNITS<br>HS Code: 842441                                                                     | PE                                   | 3 UNITS                                                                                            | PI-251106A<br>NOV.06.2025 |
| 2           |                               | THERMAL FOGGER, MODEL: TS-35A(E) 2UNITS<br>HS Code: 842441                                                                  | PE                                   | 2 UNITS                                                                                            |                           |
| 3           |                               | ULV COLD FOGGER, MODEL: 3600E 11UNITS<br>HS Code: 842441                                                                    | PE                                   | 11 UNITS                                                                                           |                           |
| 4           |                               | ULV COLD FOGGER, MODEL: 2200 10UNITS<br>HS Code: 842441                                                                     | PE                                   | 10 UNITS                                                                                           |                           |
| 5           |                               | ULV COLD FOGGER, MODEL: 2680A 1UNIT<br>HS Code: 842441                                                                      | PE                                   | 1 UNIT                                                                                             |                           |

MANUFACTURER:  
SHENZHEN LONGRAY TECHNOLOGY CO., LTD.  
ADD: 1501, BLOCK B, INTELLIGENCE PARK, BAOLONG  
AVENUE, LONGGANG DISTRICT, SHENZHEN, GUANGDONG  
PROVINCE, CHINA.  
\*\*\*

11. Declaration by the exporter  
The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in  
and that the products specified for these products  
in the accompanying documents are the same as those exported to  
CHINA - VIETNAM

12. Certification  
It is hereby certified on the basis of control carried out that the declaration by the exporter is correct.

SHENZHEN, CHINA NOV. 14, 2025  
Place and date signature of authorized signatory

13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition  
☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoking

SHENZHEN, CHINA NOV. 14, 2025  
Place and date signature and stamp of certifying authority

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM  
CERTIFICATION CERTIFICATE

SHENZHEN LONGRAY TECHNOLOGY CO., LTD  
The Quality Management System Conforms to the Standard  
GB/T19001-2016/ISO9001:2015

Registered Address: Room 1904, 19th Floor, Block A, 3rd Building, Intelligent Park, No.76 Baohe Avenue, Baolong Community, Baolong Street, Longgang District, Shenzhen, China  
Business Location: Room 1904, 19th Floor, Block A, 3rd Building, Intelligent Park, No.76 Baohe Avenue, Baolong Community, Baolong Street, Longgang District, Shenzhen, China  
Production Address: Mashihuan Area, Honghu Village Committee, Xin'an Community, Daling Street, Huidong County, Huizhou City, China

Certified Scope: Design and production of thermal foggers and various of foggers sprayers (3C products are limited to the scope of valid certificates)

Unified Social Credit Code : 914403007432191186  
Registration No. : 04323Q31477R1M11  
First Issuing Date : 07 May, 2021  
Issuing Date : 28 Jun, 2023  
Expiration Date : 29 Nov, 2026

Issued By: *Meng Yong ge*

IAF CNAS

中国认可  
国际互认  
管理体系  
MANAGEMENT SYSTEM  
CNAS C043-M

The certified organization should accept regular surveillance, if the surveillance are qualified, the certification will sustain effective.  
Address: 17/F Building 3 (Triumph Center), 170 Baiyuan Road, Chaoyang Dist., Beijing P.R. China  
Tel: 010-84850008 Website: www.ulcc.com

This certification information can be queried on the CNCA official website (www.cnca.gov.cn)



## Máy phun Khói TS 35A và TS 35A(E) TS 35A and TS 35A(E) thermal foggers

Hãng sản xuất: Longray – đơn vị chuyên sản xuất thiết bị phun chuyên dụng, xuất khẩu sang thị trường châu Âu và hơn 130 quốc gia trên thế giới  
*Manufacturer: Longray - a specialist maker of professional spraying equipment, exporting to Europe and over 130 countries worldwide*

Longray đã vượt qua nhiều quy trình kiểm nghiệm quốc tế và nhận được chứng nhận từ các tổ chức uy tín như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Conformist Européenne (CE), các thiết bị có tuổi thọ cao, an toàn.  
*Longray has passed many international tests and is certified by reputable bodies such as the World Health Organization (WHO) and Conformite Européenne (CE); its equipment is durable and safe.*



PESTMASTER VIỆT NAM



TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - ĐA DẠNG  
MODERN - DIVERSE EQUIPMENT

Toàn bộ trang thiết bị phun do PestMaster sử dụng đều kèm theo đầy đủ tài liệu kỹ thuật, đảm bảo minh bạch và tuân thủ các yêu cầu về sử dụng an toàn. Tất cả thiết bị nhập khẩu đều có tài liệu kỹ thuật của thiết bị, CO (Chứng nhận xuất xứ), CQ (Chứng nhận chất lượng) và biên bản giao nhận, phiếu bảo hành – chứng từ hợp pháp đầy đủ theo quy định

All spraying equipment used by PestMaster comes with complete technical documentation, ensuring transparency and compliance with safe-use requirements. All imported equipment has technical documents, CO (Certificate of Origin), CQ (Certificate of Quality), handover records and warranty cards - full legal documentation as required



THK POWERTOOLS (S) PTE LTD • 48 Gul Crescent • Singapore 629542

Telephone: 65 6882 9188  
Fax : 65 6881 1320  
Email : thkasin@pacific.net.sg  
Co. No. : 200510340H

15 May 2025

THK POWERTOOLS (VIETNAM) COMPANY LIMITED  
No. 132 Ham Nghi Street, Ben Thanh Ward, District 1,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 274 3865228 Fax: +84 274 3865229

CERTIFICATE OF QUALITY/QUANTITY

RE: SALES CONTRACT NO. 1034A/THKVN-05 DATE: 02 MAY, 2025

This is to certify that 24 units SR420 Mistblower and it accessories are brand new 100%.  
Export Standard.

Manufactured/Origin: STIHL / Brazil

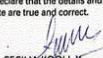
We certify that the goods mentioned above have been manufactured according to our quality  
standard and fully meet the technical requirement.

Serial Numbers for 24 units of SR420 Mistblower as follow:

|             |             |             |             |             |             |             |
|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 374 097 333 | 374 097 502 | 374 097 437 | 374 097 494 | 374 097 468 | 374 097 496 | 374 097 467 |
| 374 097 478 | 374 097 485 | 374 097 427 | 374 097 449 | 374 097 483 | 374 097 377 | 374 097 582 |
| 374 097 584 | 374 097 439 | 374 097 593 | 374 097 592 | 374 097 598 | 374 097 580 | 374 097 474 |
| 374 097 596 | 374 097 571 | 374 097 591 |             |             |             |             |



CECILIA KOOI L.Y.  
ACCOUNTS EXECUTIVE

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1. Exporter (Name & Address)<br>THK POWERTOOLS (S) PTE LTD<br>48 GUL CRESCENT<br>SINGAPORE 629542                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | REPUBLIC OF SINGAPORE<br><br>CERTIFICATE OF ORIGIN/PROCESSING<br><br>No. 006523<br><br>NO UNAUTHORISED ADDITION/ALTERATION MAY BE MADE TO THIS CERTIFICATE ONCE IT IS ISSUED                                                                                                                                                   |  |
| 2. Consignee (Name, Full Address & Country)<br>THK POWERTOOLS (VIETNAM) COMPANY LIMITED<br>NO.132 HAM NGHI STREET, BEN THANH WARD, DIST. 1,<br>HO CHI MINH CITY, VIETNAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 3. Departure Date                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15 May 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8. DECLARATION BY THE EXPORTER<br>We hereby declare that the details and statements provided in this Certificate are true and correct.<br><br>Signature: <br>Name: CECILIA KOOI L.Y.<br>Designation: ACCOUNTS EXECUTIVE<br>Date: 15-05-2025 |  |
| 4. Vessel's Name / Flight No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | CAPE FAWLEY V.1485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 5. Port of Discharge                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | HO CHI MINH (CAT LAI)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 6. Country of Final Destination                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | VIETNAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 7. Country of Origin of Goods                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | BRAZIL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 9. Marks & Numbers                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10. No. & Kind of Packages<br>Description of Goods<br>(include brand names if necessary)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 11. Quantity & Unit                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| THK POWERTOOLS (VIETNAM) CO. LTD.<br>MAPLE TREE BINH DUONG<br>LOGISTICS PARK BLOCK 14<br>WAREHOUSE NO. 5<br>STREET NO. 3, VSP 2, BINH DUONG INDUSTRIAL SERVICE URBAN COMPLEX, HOA PHU WARD, THU DAI MOT TOWN, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM NO. 1-24                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2 PALLETS<br><br>AGRICULTURAL EQUIPMENT<br>4203-011-2620 SR420 MISTBLOWER<br><br>SALES CONTRACT NO. 1034A/THKVN-05<br>DATE: 02 MAY 2025<br><br>SERIAL NUMBERS FOR 24 UNITS SR420 MISTBLOWER<br>374 097 333 374 097 502 374 097 437 374 097 494 374 097 468 374 097 496 374 097 467<br>374 097 478 374 097 485 374 097 427 374 097 449 374 097 483 374 097 377 374 097 582<br>374 097 584 374 097 439 374 097 593 374 097 592 374 097 598 374 097 580 374 097 474<br>374 097 596 374 097 571 374 097 591 | 24 UNITS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 12. CERTIFICATION BY THE COMPETENT AUTHORITY<br>We hereby certify that evidence has been produced to satisfy us that the goods specified above originate in/were processed in the country shown in box 7. This Certificate is therefore issued and certified to the best of our knowledge and belief to be correct and without any liability on our part.<br><br><br>SINGAPORE CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY<br>31 STANLEY STREET, BICO BUILDING<br>SINGAPORE 068703<br><br>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG<br>TRUNG TÂM<br>16 MAY 2025<br>G.D. Lê Văn Thành |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |



Máy phun Stihl SR 420  
Stihl SR 420 sprayer  
Xuất xứ: Brazil  
Origin: Brazil

# TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - ĐA DẠNG

## MODERN - DIVERSE EQUIPMENT

Toàn bộ trang thiết bị phun do PestMaster sử dụng đều kèm theo đầy đủ tài liệu kỹ thuật, đảm bảo minh bạch và tuân thủ các yêu cầu về sử dụng an toàn. Tất cả thiết bị nhập khẩu đều có tài liệu kỹ thuật của thiết bị, CO (Chứng nhận xuất xứ), CQ (Chứng nhận chất lượng) và biên bản giao nhận, phiếu bảo hành – chứng từ hợp pháp đầy đủ theo quy định

All spraying equipment used by PestMaster comes with complete technical documentation, ensuring transparency and compliance with safe-use requirements. All imported equipment has technical documents, CO (Certificate of Origin), CQ (Certificate of Quality), handover records and warranty cards - full legal documentation as required

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 Exporter (Name & Address)<br>AGRO TECHNIC PTE LTD<br>32 ANG MO KIO INDUSTRIAL PARK 2<br>#01-01/02 SING INDUSTRIAL COMPLEX<br>SINGAPORE 569510                                                                                                                                                                                                                                     | REPUBLIC OF SINGAPORE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2 Consignee (Name, Full Address & Country)<br>PHAT AN TRADING CO., LTD.<br>101/58/18 NGUYEN VAN DAU STREET,<br>WARD 5, BINH THANH DIST.,<br>HO CHI MINH CITY, VIETNAM                                                                                                                                                                                                               | CERTIFICATE OF ORIGIN/PROCESSING                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3 Departure Date<br>07 JANUARY 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 4 Vessel's Name/Fight No.<br>KOTA AZAM V.2435N                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | NO UNAUTHORISED ADDITIONAL/ALTERATION MAY BE MADE<br>TO THIS CERTIFICATE ONCE IT IS ISSUED                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 5 Port of Discharge<br>HO CHI MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8 DECLARATION BY THE EXPORTER                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6 Country of Final Destination<br>VIETNAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | We hereby declare that the details and statements provided in<br>this Certificate are true and correct.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 7 Country of Origin of Goods<br>CHINA / ITALY / GERMANY                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Signature: HENG YIWEI<br>Name: MANAGING DIRECTOR<br>Designation: MANAGING DIRECTOR<br>Date: 8 JANUARY 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 9 Marks & Numbers<br>10 No. & Kind of Packages<br>Description of Goods<br>(Include brand names if necessary)<br>PHAT AN TRADING CO., LTD.<br>101/58/18 NGUYEN VAN DAU<br>STREET, WARD 5, BINH THANH<br>DIST., HO CHI MINH CITY, VIETNAM<br>TEL: 84 8 62977626<br>FAX: 84 8 35262697<br>INVOICE NO. 104058<br>TOTAL: 01 PALLET<br>DIMENSION: 120 X 100 X 200 CM<br>G/WEIGHT: 212 KGS | 11 Quantity<br>& Unit<br>AGROFOG S/STEEL SPRAYER (4L)<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>20 PC/S<br>AGROFOG ULV COLD FOGGER (NEBULO)<br>COUNTRY OF ORIGIN: ITALY<br>20 UNIT/S<br>SOLO EAZY 206 BATTERY OPERATED SPRAYER (6L)<br>COUNTRY OF ORIGIN: GERMANY<br>10 UNIT/S<br>SPARE PARTS:<br>AIR FILTER 108X75X64<br>COUNTRY OF ORIGIN: ITALY<br>10 PC/S<br>MULTI NOZZLE, CPL<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>34 PC/S<br>DF VALVE ASSEMBLY, 18" C/W MULTI NOZZLE<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>10 PC/S<br>FAN NOZZLE BRASS<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>05 PC/S<br>HANDLE<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>05 PC/S<br>O-RING (NEW)<br>COUNTRY OF ORIGIN: CHINA<br>24 PC/S |
| 12 CERTIFICATION BY THE COMPETENT AUTHORITY<br>We hereby certify that evidence has been produced to satisfy us that the goods specified above originate in/are processed in the country shown in box 7. This Certificate is therefore issued and certified to the best of our knowledge and belief to be correct and without any liability on our part.                             | Stamp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



### AGRO TECHNIC PTE. LTD.

32 ANG MO KIO INDUSTRIAL PARK 2, #01-01/02, SING INDUSTRIAL COMPLEX  
SINGAPORE 569510 TEL: 64821828, 64821890, 64814038 FAX: 64812631  
E-mail: agro@agrotech.com.sg Website: www.agrofog.com  
CO REG. NO.: 198102315E GST REG. NO.: M2-0644553-8

PHAT AN TRADING CO., LTD.  
101/58/18 NGUYEN VAN DAU STREET,  
WARD 5, BINH THANH DIST.,  
HO CHI MINH CITY, VIETNAM  
VAT CODE: 0303130431  
TEL: 84 8 62977626 FAX: 84 8 35262697  
ATTN: MR. LAM MINH HAI - DIRECTOR

### CERTIFICATE OF QUALITY

We, herewith confirm, that the quality of the goods are up to the latest standard and technical know how:

- 1) AGROFOG S/STEEL SPRAYER (4L) - 20 pcs.  
COUNTRY OF ORIGIN: CHINA
- 2) AGROFOG ULV COLD FOGGER (NEBULO) - 20 units  
SERIAL NO. 991285 - 991283 / 9912722  
COUNTRY OF ORIGIN: ITALY
- 3) SOLO EAZY 206 BATTERY OPERATED SPRAYER (6L) - 10 units  
COUNTRY OF ORIGIN: GERMANY

Certified true and correct.

Dated December 17<sup>th</sup>, 2024

AGRO TECHNIC PTE LTD

Heng Yiwei

Managing Director



**Máy phun sương (ULV) Agrofog  
Nebulo**  
*Agrofog Nebulo ULV mist sprayer*  
Xuất xứ: Italia  
Origin: Italy



# BỘ HÓA CHẤT ĐA DẠNG

## DIVERSE CHEMICAL PORTFOLIO

### CÓ ĐẦY ĐỦ GIẤY CHỨNG NHẬN

### FULLY CERTIFIED

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ  
MÔI TRƯỜNG Y TẾ  
Số: 074.201/GCN  
Ref. No.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG,  
DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ  
CERTIFICATE FOR INSECTICIDE AND DISINFECTANT REGISTRATION FOR  
HOUSEHOLD AND MEDICAL USE

Tên thương mại của chế phẩm: FENDONA 10SC  
Trade name of product  
Thành phần, hàm lượng hoạt chất: 10% w/w Alpha-cypermethrin  
Active ingredient(s)  
Phạm vi và phương pháp sử dụng:  
Scope and method of application

| Tác dụng<br>Purpose of use                     | Phạm vi sử dụng<br>Scope of application | Liều lượng và Phương pháp sử dụng<br>Dosage and Method of application                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Diệt muỗi, kiến, gián, bọ chét, kiến ba khoang | Trong gia dụng và y tế                  | <b>Phun tường (vách):</b> Pha 5ml FENDONA 10SC vào 1 lít nước sạch, khuấy đều và phun cho 20m <sup>2</sup> tường (vách). Phun kỹ bề mặt và các hốc, kết nơi côn trùng hay trú đậu. Hiệu lực diệt tồn lưu 6 tháng đối với muỗi, 4 tháng đối với ruồi, 4 tháng đối với gián, 5 tháng đối với kiến, 4 tháng đối với bọ chét và 1 tháng đối với kiến ba khoang.<br><b>Tắm mùng (màn):</b> Pha 5ml FENDONA 10SC vào 1 lít nước sạch trong chậu nhựa, khuấy đều và tắm cho 1 mùng đối. Ngâm và nhồi mùng sao cho thấm đều dung dịch pha. Để mùng ráo nước sau đó phơi trong bóng râm, không phơi trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời. Chú ý giặt sạch và phơi khô trước khi tắm mùng để chế phẩm bám tốt hơn vào mùng. Hiệu lực tốt duy trì đến 8 tháng kể từ khi tắm đối với mùng không giặt và được 6 lần giặt nếu đem mùng tắm được giặt |

Hạn dùng: 02 năm kể từ ngày sản xuất  
Shelf life  
Số đăng ký lưu hành: VNDP-HC-025-10-15 Có giá trị từ: 25/10/2020 đến: 25/10/2025  
Registration No. Valid from until  
Tên đơn vị đăng ký: Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Name of certificate holder  
Địa chỉ đơn vị đăng ký: Tầng 11, tòa nhà Saigon Trade Center, số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Address of certificate holder  
Tên đơn vị sản xuất: BASF Agri-Production SAS, Genay, France  
Name of manufacturer



Mã số/Code: 37/09-19  
Ngày: 17/09/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỢP TRÍ  
Building số 8 - L3 B14 KCN Trung Phước - Hòa Bắc - TP. Bắc  
ĐT: 091 381 41 15 Fax: 091 381 41 17 (MST: 0303015373)  
Email: info@hoptri.com | Website: www.hoptri.com

#### CHỨNG THƯ PHÂN TÍCH (CERTIFICATE OF ANALYSIS)

- TÊN MẪU SỐ LÔ  
(NAME OF PRODUCT/BATCH NO) : FENDONA 10SC / 0020329674 (NSX: 10/06/19 - HSD 2 năm)
- SỐ LƯỢNG MẪU  
(QUANTITY) : 2,880 L
- NGÀY NHẬN MẪU  
(DATE OF RECEIVING SAMPLE) : 17/09/2019
- NƠI GỬI MẪU  
(SUPPLIER) : BASF
- KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)



| STT<br>No | THÔNG SỐ<br>Parameter                                                   | TIÊU CHUẨN<br>Standards   | KẾT QUẢ<br>Result         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 01        | Hàm lượng Alpha cypermethrin (%)<br>Concentration of Alpha cypermethrin | [g/L] 100.0 ± 10.0        | 98.9                      |
| 02        | Tỷ trọng<br>Density (20°C)                                              | [g/mL] 1.03 - 1.05        | 1.0318                    |
| 03        | pH (20) [1%w/v, 20°C]                                                   | -                         | 7.45                      |
| 04        | Độ mịn (2) [tray 75µm]<br>Particle size                                 | [%] -                     | 99.90                     |
| 05        | Độ nhớt<br>Viscosity                                                    | [cP] 400 - 1000           | 699                       |
| 06        | Ngoại quan<br>Appearance                                                | Lỏng huyền phù, màu trắng | Lỏng huyền phù, màu trắng |

6. KẾT LUẬN: Sản phẩm Fendona 10SC đạt yêu cầu tiêu chuẩn  
(REMARK: The quality of Fendona 10SC product sample is conforming standard.)

Giám đốc Lab-OC  
Lab-OC Manager

*[Signature]*

TRƯƠNG H TIẾN THINH

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
HỢP TRÍ

ĐOÀN NGUYỄN KHÔI

[\*] Phương pháp được VILAS công nhận? The method(s) is (are) accredited to conformity to VILAS requirement  
1. Kết quả thử nghiệm trên mẫu này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Test results are valid for testing sample only.  
2. Không được trích sao 1 phần Test Report này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của PTTN Hợp Trí. This Test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Lab-OC.

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                             |                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Exporteur<br>Exporteur<br>Exporteur                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Syngenta Crop Protection AG<br>CH-4058 Basel<br>Switzerland | Page 1/1<br>Nr. 1343778                                                                                                                                                             |
| ORIGINAL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                             |                                                                                                                                                                                     |
| URSPRUNGSZEUGNIS<br>CERTIFICAT D'ORIGINE<br>CERTIFICATO D'ORIGINE<br>CERTIFICATE OF ORIGIN                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                             |                                                                                                                                                                                     |
| Schweizerische Eidgenossenschaft<br>CONFEDERATION SUISSE<br>CONFEDERAZIONE SVIZZERA<br>SWISS CONFEDERATION                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                             |                                                                                                                                                                                     |
| Ursprungsland<br>Pays d'origine<br>Paese d'origine<br>Country of origin                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                             | Siehe unten<br>Voir ci-dessous<br>vedi in basso<br>see below                                                                                                                        |
| Angaben über die Befreiung (Freibefreiung freigegeben)<br>Information relative au transport (transit autorisé)<br>Informazioni riguardanti il trasporto (liberazione localizzata)<br>Particulars of transport (approved declaration)                                                                                                                        |                                                             | Bezeichnungen<br>Désignations<br>Designazioni<br>Designations<br>Invoice 0007425935 dated 22.12.2023                                                                                |
| Zeichen, Nummer, Anzahl und Art der Packstücke, Warenbezeichnung<br>Marques, numéros, nombres et nature des colis, désignation des marchandises<br>Marche, numeri, numeri e natura dei colli, designazione delle merci<br>Marks, numbers, number and kind of packages, description of the goods                                                             |                                                             | Nettogewicht<br>Poids net<br>Peso netto<br>Net weight<br>kg, t, cwt<br>lb, st, cwt                                                                                                  |
| 0059808 ICON 2.5 CS 12x1 L<br>480 PACKAGES<br>Purchase order : 6585015694                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                             | 9'932.800 KG<br>Belgium                                                                                                                                                             |
| Die unterzeichnete Handelskammer bescheinigt den Ursprung oben bezeichneter Ware<br>La Chambre de commerce soussignée certifie l'origine des marchandises désignées ci-dessus<br>La sottoscritta Camera di commercio certifica l'origine delle merci summenzionate<br>The undersigned Chamber of commerce certifies the origin of the above mentioned goods |                                                             | Bruttogewicht<br>Poids brut<br>Peso lordo<br>Gross weight<br>7'297.920 KG                                                                                                           |
| To verify this document visit <a href="https://certificates.iccwbo.org">certificates.iccwbo.org</a> . Security code: 0800-00CJ-AJB0-SAAF                                                                                                                                                                                                                    |                                                             |                                                                                                                                                                                     |
| ICC<br>International Chamber of Commerce<br>Certificate of Origin<br>Basel, 28.03.2024                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                             | Handwritten<br>Handwritten<br>Handwritten<br>Handwritten<br>Basel<br>Chambre de Commerce de Bâle<br>Camera di Commercio di Basilea<br>Basel Chamber of Commerce<br>Sandra Mundwiler |



Contact:  
Sandeep S

Syngenta Crop Protection AG  
Rosentalstrasse 67  
4058 Basel  
Switzerland

DATE: 16.06.2023

Sold to  
SYNGENTA VIETNAM LTD  
16 Đường 3A KCN Biên Hòa 2, P Long  
810000 DONG NAI-BIEN HOA  
VIETNAM

Ship to  
SYNGENTA VIETNAM LTD  
16 Đường 3A KCN Biên Hòa 2, P Long  
810000 DONG NAI-BIEN HOA  
VIETNAM

#### CERTIFICATE OF ANALYSIS

##### ICON 2.5 CS 12x1 L

Material No. 0059808  
Agro No. A12689G  
Delivery No. 85554038  
Order No. 6585015337

Batch No. BSN3C1872  
Production Date 18/03/2023  
Quantity 9,792 L  
Expiry Date 18/03/2025

Batch No. BSN3D2689  
Production Date 26/04/2023  
Quantity 1,728 L  
Expiry Date 26/04/2025

Nominal A.I.Content : 2.500 % W/V PP321 LAMBDA-CYHALOTHRIN

It is herewith certified that the above batches have been tested and are in line with the specifications.



Chất lượng dịch thực

## PESTMASTER VIỆT NAM



# BỘ HÓA CHẤT ĐA DẠNG DIVERSE CHEMICAL PORTFOLIO CÓ ĐẦY ĐỦ GIẤY CHỨNG NHẬN FULLY CERTIFIED

Bên cạnh đó, còn hóa chất thảo mộc và sinh học, an toàn và thân thiện với môi trường, phù hợp để sử dụng trong các khu vực có yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt và khắt khe nhất

*We also offer herbal and biological products that are safe and environmentally friendly, suitable for areas with the strictest control requirements*



## Thảo mộc 10s

- **Thảo mộc 10s** là giải pháp tối ưu cho những khu vực khép kín. Phù hợp cho hộ gia đình có diện tích vừa và nhỏ an toàn cho con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường sinh thái.
- **THÀNH PHẦN:** Pyrethrins 3% w/w (chiết xuất từ hoa cúc), dung môi sinh học, tinh dầu tự nhiên sả chanh, bạc hà
- **CÔNG DỤNG:** Diệt muỗi, ruồi, kiến, gián, rệp giường,... dùng trong gia dụng và y tế.



BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ  
MÔI TRƯỜNG Y TẾ  
Số: C/H-22/GCN  
Ref. No.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG,  
DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ  
CERTIFICATE FOR INSECTICIDE AND DISINFECTANT REGISTRATION FOR  
HOUSEHOLD AND MEDICAL USE

Tên thương mại của chế phẩm: **Chế phẩm diệt Muỗi, ruồi, kiến, gián Thảo mộc 10s đậm đặc**  
Trade name of product  
Thành phần, hàm lượng hoạt chất: **3 % w/w Pyrethrins**  
Active ingredient(s)  
Phạm vi và phương pháp sử dụng:  
Scope and method of application

| Tác dụng<br>Purpose of use                         | Phạm vi sử dụng<br>Scope of application | Liều lượng và Phương pháp sử dụng<br>Dosage and Method of application                                                                                               |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Diệt muỗi, ruồi, kiến, gián trong gia dụng và y tế | Trong gia dụng và y tế                  | - Pha 10 ml chế phẩm với 01 lít nước. Phun với liều lượng 01 lít dung dịch đã pha cho 25 m <sup>2</sup> bề mặt.<br>- Hiệu lực diệt tồn lưu: 15 ngày kể từ khi phun. |

Hạn dùng: 03 năm kể từ ngày sản xuất  
Shelf life

Số đăng ký lưu hành: VNDP-HC-016-Q-22 Có giá trị từ: 24/02/2022 đến: 24/02/2027  
Registration No. Valid from until

Tên đơn vị đăng ký: Công ty TNHH Đầu tư Vietgreen  
Name of certificate holder  
Địa chỉ đơn vị đăng ký: Số 21, ngõ 80, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội  
Address of certificate holder  
Tên đơn vị sản xuất: Công ty TNHH Đầu tư Vietgreen  
Name of manufacturer  
Địa chỉ nơi sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Vietgreen tại Hưng Yên, Đại Hưng, Hoàn Long, Yên Mỹ, Hưng Yên  
Address of manufacturing site



# MỘT SỐ LOẠI HÓA CHẤT *SELECTED CHEMICALS*



Perme UK 50EC  
Permethrin 50%  
LIMITED - England



Fendona 10SC  
Alpha-cypermethrin  
10%  
BASF – German



Permecide 50EC  
50 % Permethrin  
Công ty Hóa Nông  
– Hợp Trí  
Hop Tri  
Agrochemical  
Company



Map Permethrin 50EC  
Permethrin



Maxxthor 100  
100g/l Bifenthrin  
ENSYSTEX – MỸ  
ENSYSTEX - USA



Abate 1SG  
Temephos  
BASF – Đức  
BASF - Germany



Optigard AB 100  
Thiamethoxam  
SYNGENTA -  
Newzealand



Storm 0.005%BB  
Flocoumafen 0.005%  
BASF – ĐỨC  
BASF - GERMANY



Thaomoc 10SC đậm  
đặc *Thaomoc 10SC*  
concentrate  
Chế phẩm sinh học  
*Biological product*



Agita 10 WG  
Thiamethoxam  
ÁO  
AUSTRIA



Mycons 10SC  
Lambda-Cyhalothrin



BIOPER 55% EC  
Permethrin



# BÁO CÁO DỊCH VỤ

## *SERVICE REPORTING*

### **Báo cáo khảo sát ban đầu/ *Initial survey report***

Đánh giá tổng quát tình hình dịch hại hiện hữu và nguy cơ. **Tư vấn các biện pháp cần thiết trước khi triển khai công việc.**  
*Overall assessment of existing pest situation and risks. Advice on necessary measures before work begins.*

### **Kế hoạch hàng tháng/ *Monthly plan***

Gửi kế hoạch kiểm soát dịch hại định kỳ cho tháng tiếp theo vào **ngày 25 hàng tháng.**  
*The routine pest control plan for the following month is sent on the 25th of each month.*

### **Báo cáo định kỳ/ *Periodic report***

Được gửi vào **ngày 05 của tháng kế tiếp**, cung cấp thông tin về tình hình kiểm soát dịch hại của tháng trước đó.  
*Sent on the 5th of the following month, providing information on the previous month's pest control results.*

### **Báo cáo đánh giá dịch hại & Cảnh báo dịch hại/ *Pest assessment report & pest alerts***

Báo cáo đánh giá dịch hại **6 tháng/lần** để điều chỉnh chiến lược dài hạn và Cảnh báo dịch hại theo mùa.  
*Pest assessment report every 6 months to adjust long-term strategy, plus seasonal pest alerts.*



# BẢO HÀNH DỊCH VỤ SERVICE WARRANTY

Chúng tôi hiểu rằng sự xuất hiện của dịch hại có thể gây ra nhiều bất tiện và lo lắng. Vì vậy, dịch vụ bảo hành của chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn:

*We understand that pest activity can cause inconvenience and worry. That is why our warranty service is always ready to support you:*



## Hỗ Trợ Phản Hồi 24/24 24/7 Response Support

Dịch vụ bảo hành của chúng tôi hoạt động 24/24, trong suốt thời gian bảo hành hợp đồng. Mọi khiếu nại về dịch hại sẽ được kiểm tra và áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

*Our warranty service operates 24/7 throughout the contract warranty period. Every pest complaint is inspected and treated with appropriate measures.*



## Phản Ứng Kịp Thời Prompt Response

Điều tra dịch hại và có phương án xử lý kịp thời sau khi nhận được thông báo phát hiện dịch hại phát sinh.

*Pest investigation and timely treatment plans upon receiving notice of newly detected pest activity.*



## Không Phát Sinh Chi Phí No Extra Costs

Việc thực hiện dịch vụ ngoài giờ hành chính sẽ không tính thêm chi phí.

*Services performed outside office hours incur no additional charges.*

***Sự an tâm của bạn là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Hãy để chúng tôi bảo vệ không gian của bạn khỏi dịch hại!***  
***Your peace of mind is our top priority. Let us protect your space from pests!***





# TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT DANANG

01

**Hyatt Regency Danang**



02

**Fusion Resort Da Nang**



03

**Furama Resort**



04

**Melia Đà Nẵng**



05

**TIA Wellness Resort**



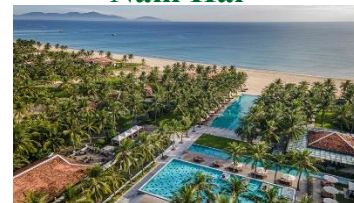
06

**Sandy Beach Resort**



07

**Four Season Resort The Nam Hải**



08

**The Ocean Villas**



09

**Mikazuki Resort**



10

**Làng Pháp Bà Nà Hills**



11

**Cổng trời Đông Giang**



12

**The Five Villas**





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT DANANG

13

**Balcona Hotel**



14

**Novotel Hotel**



15

**Brilliant Hotel**



16

**Grand Mercure Hotel**



17

**Alanse Hotel**



18

**Đức Long Hotel**



18

**The Nalod Hotel**



19

**Sông Hàn Hotel**



20

**Nesta Hotel**



21

**Chicland Hotel**



22

**Alphanam Luxury**



23

**Mandila Beach Hotel**





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT HOI AN

01

**Chuối Hoiana Resort**



02

**Belle Rive Hoian Resort & Spa**



03

**Almanity Resort Hội An**



04

**Namia River Retreat**



05

**Palm Garden Resort**



06

**Enso Retreat Hoian**



07

**Victoria Hội An Resort**



08

**Anantara Hội An Resort**



09

**Nesta Hoian Resort & Spa**



10

**Legacy Hoian Resort**



11

**Boutique Hội An Resort**



12

**Vĩnh Hưng Resort**





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT **AT HUE – LANG CO**

01

**Laguna Lang CoResort**



02

**Lang CoBay Retreat**



03

**Kobi Onsen Resort Huế**



04

**La Residence Huế**



05

**Alba Thanh Tân Resort**



06

**Hương Giang hotel**



07

**Mondial hotel**



08

**Park View hotel**



09

**Eldora hotel**



10

**Century Riverside Hotel**



11

**Indochine Palace**



12

**Ecolodge Hotel**





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT QUANG BINH

01

KDL Động Thiên Đường



05

Sông Chày Hang Tối



09

Vĩnh Hoàng hotel



02

Sun Spa Resort



06

Suối nước Mọc



10

CKC Thiên Đường Hotel



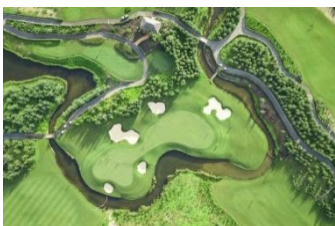
03

Suối Bang



07

FLC Biscom



11

Duy Tân hotel



04

Voco Resort



08

Sam hotel



12

Poseido hotel





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT THANH HOA

01

Tam Chúc



02

Wyndham Vedana Resort



03

Minawa Kenhga Resort



04

Narci Resort Tam Cốc



05

Nghi Sơn Eco-Tourism



06

Legend hotel



07

Bái Đình hotel



08

Hoa Lư hotel



09

MT Collection hotel



10

The Vissai Ninh Bình



11

Sun World Sầm Sơn



12

Golf Tràng An Ninh Bình





## TYPICAL CLIENTS'S PEST MASTER AT QUANG NGAI

01

**Cocoland Riverbeach Resort & Spa**



02

**Đức Long Dung Quất**



03

**Hoàng Mai hotel**



04

**Cầm Thành hotel**



05

**Central hotel**



06

**Go! Mall Quảng Ngãi**



07

**Cias at Chu Lai airport**



08

**An Thạnh – Quảng Ngãi**





# CLIENT'S PEST MASTER AT PHU QUOC

1 Regent Phú Quốc Resort



2 Sunset Beach Resort & Spa



3 M Village Phú Quốc



4 M Hotel Phú Quốc



5 Sea Star Resort



6 KLC Hotel Phú Quốc



7 Rosso Sky Villas Phú Quốc



8 AVS Hotel Phú Quốc



9 Thiên Sơn Hotel



10 Nhà hàng Ấn Độ Sri Raja Bhojanam Phú Quốc



# Liên Hệ Với Chúng Tôi/ *Contact Us*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PESTMASTER VIỆT NAM**  
***PESTMASTER VIETNAM JOINT STOCK COMPANY***

 Địa chỉ: Khu B7 Đô thị mới 1B, Đường Trịnh Hoài Đức, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

 *Address: Block B7, New Urban Area 1B, Trinh Hoai Duc Street, Dien Ban Dong Ward, Da Nang City*

---

 Anh Lê Thành Nhân – Chủ tịch HĐQT PestMaster Việt Nam

 *Mr. Le Thanh Nhan – Chairman of the Board, PestMaster Vietnam*

 Email: [Nhan.lethanh@pestmaster.com.vn](mailto:Nhan.lethanh@pestmaster.com.vn)

 Hotline: **0916 503 542**

---

 Anh Huỳnh Văn Quýnh – Tổng giám đốc PestMaster Việt Nam

 *Mr. Huynh Van Quynh – General Director, PestMaster Vietnam*

 Email: [Quynh.huynhvan@pestmaster.com.vn](mailto:Quynh.huynhvan@pestmaster.com.vn)

 Hotline: **0906 444 768**

*Liên hệ ngay để được tư vấn miễn phí và nhận báo giá chi tiết!*

*Contact us now for a free consultation and a detailed quote!*



# Cảm Ơn! *Thank You!*

Pestmaster Việt Nam  
ĐỐI TÁC TIN CẬY CHO MÔI TRƯỜNG AN TOÀN

*A trusted partner for a safe environment*

*"Chúng tôi cam kết mang đến dịch vụ và giải pháp tốt nhất cho Quý khách hàng"*

*"We are committed to delivering the best services and solutions to our customers"*

